

Số: 1294/QĐ-ĐHQB

Quảng Bình, ngày 30 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 573/NQ-HĐT ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về Hội nghị Hội đồng trường lần thứ II, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, Trường phòng Tổ chức - Hành chính, Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Đảng ủy, HĐT (để b/c);
- Trang thông tin điện tử Trường (để công khai);
- Lưu: VT, KH-TC, TC-HC. 

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng

CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035
(Kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 7 năm 2021
của Trường Đại học Quảng Bình)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Giới thiệu chung

1.1. Trường Đại học Quảng Bình được thành lập trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Bình, tiền thân là Trường Trung cấp Sư phạm Quảng Bình theo Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

Trường Đại học Quảng Bình là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Trường chịu sự quản lý trực tiếp về mặt tổ chức của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình và sự quản lý nhà nước về chuyên môn lĩnh vực giáo dục, đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Tên tiếng Việt: Trường Đại học Quảng Bình (Viết tắt là ĐHQB)

b) Tên tiếng Anh: Quang Binh University (Viết tắt là QBU)

c) Trang thông tin điện tử (Website): <http://www.qbu.edu.vn>

d) Email: quangbinhuni@qbu.edu.vn

d) Điện thoại liên hệ: 0232.3822010

Fax: 0232.3824051

1.2. Trường ĐHQB hoạt động theo Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018 và theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHQB. Trường thực hiện các nhiệm vụ cơ bản sau:

a) Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển Nhà trường ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Bình và cả nước;

b) Triển khai hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo;

c) Tuyển sinh và phát triển các chương trình đào tạo theo mục tiêu xác định; bảo đảm sự liên thông giữa các chương trình và trình độ đào tạo; thực hiện liên kết trong và ngoài nước;

d) Tổ chức bộ máy; tuyển dụng, sử dụng, quản lý, xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, đội ngũ giảng viên, viên chức, người lao động trên cơ sở chiến lược, quy hoạch và kế hoạch của Nhà trường;

đ) Quản lý người học; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động và người học; trích một phần kinh phí để thực hiện chính sách xã hội đối với đối tượng được hưởng chính sách xã hội, đối tượng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm môi trường sư phạm cho hoạt động giáo dục và đào tạo;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo và sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

g) Tự đánh giá chất lượng đào tạo và thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục;

h) Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

1.3. Trường ĐHQB là trường đại học đa ngành. Ngành nghề đào tạo của Nhà trường được xây dựng dựa trên định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Bình và các vùng lân cận. Đến năm 2030, Nhà trường ổn định và phát triển các ngành đào tạo thuộc 04 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế - Xã hội - Du lịch, Nông - Lâm - Ngư và Kỹ thuật - Công nghệ thông tin.

2. Mục đích, vai trò và giá trị sử dụng của Chiến lược phát triển

2.1. Mục đích

Nghị quyết của Chính phủ số 44/NQ-CP ngày 09/6/2014 đã xác định “Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các cấp học, trình độ đào tạo và giữa các hình thức giáo dục, đào tạo, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời và hội nhập quốc tế”. Vì vậy, Trường cũng phải hoạch định chiến lược phát triển và những biện pháp thực hiện để đạt được mục tiêu chung của nền giáo dục.

Các trường đại học đã và đang thực hiện công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài, thực hiện Ba công khai, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính.... Việc xây dựng chiến lược phát triển Trường nhằm mục đích định hướng cho tiến trình xây dựng và phát triển, là căn cứ pháp lý cho xây dựng kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Nhà trường.

2.2. Vai trò

Chiến lược phát triển nhằm định hướng cho các chính sách và hoạt động của Nhà trường giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

nhằm thực hiện sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường; làm cơ sở hoạch định chính sách và lập kế hoạch xây dựng, phát triển Trường trong từng giai đoạn ngắn hạn, trung hạn; là văn bản có tính pháp quy của Nhà trường trong giai đoạn từ nay đến năm 2035.

2.3. Giá trị sử dụng

Chiến lược phát triển là cơ sở để kiểm tra, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ; tổng kết, đánh giá kết quả và điều chỉnh các mặt hoạt động của Trường cho phù hợp với yêu cầu và thực tiễn.

Chiến lược phát triển sẽ là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Nhà trường, là định hướng chiến lược phát triển Trường trong tương lai và làm cơ sở để xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

3. Các căn cứ, cơ sở pháp lý xây dựng Chiến lược phát triển

Chiến lược phát triển được xây dựng trên những căn cứ và cơ sở pháp lý sau:

- a) Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- b) Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XI) về “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”;
- c) Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013;
- d) Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- đ) Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- e) Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;
- f) Quyết định số 445/QĐ-ĐHQB ngày 01 tháng 4 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

g) Nghị quyết số 573/NQ-HĐTĐHQB ngày 05 tháng 04 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về Hội nghị Hội đồng trường lần thứ II, nhiệm kỳ 2020 - 2025;

h) Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường ĐHQB nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Ngoài ra, việc xây dựng Chiến lược phát triển Trường còn dựa vào một số căn cứ khác: Phân tích bối cảnh quốc tế và khu vực, trong và ngoài nước, nhu cầu về nguồn nhân lực của khu vực miền Trung và tỉnh Quảng Bình; các thông tin dự báo, định hướng phát triển của Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỉnh Quảng Bình; các phân tích đánh giá thực trạng của Nhà trường.

4. Công tác triển khai xây dựng Chiến lược phát triển

Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Quảng Bình giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2035 (Quyết định số 1005/QĐ-ĐHQB ngày 15/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình).

Các đơn vị triển khai xây dựng Chiến lược phát triển theo chuyên môn của từng đơn vị, mảng bộ phận, theo sự phân công của Ban chỉ đạo.

Tổ chức các hội nghị báo cáo kết quả, tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển.

Hoàn thiện, ban hành Chiến lược phát triển và báo cáo cấp trên theo quy định.

Chiến lược phát triển Nhà trường được xây dựng là trí tuệ của cả tập thể viên chức, người lao động (VC, NLD) Trường ĐHQB. Dưới sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo xây dựng Chiến lược, các đơn vị và cá nhân của Trường đã tích cực tham gia vào việc góp ý kiến, thảo luận xây dựng Chiến lược. Ban chỉ đạo xây dựng Chiến lược đã lấy ý kiến đóng góp của VC, NLD thông qua các cuộc họp giao ban thường kỳ, các cuộc họp của các đơn vị.

PHẦN I

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ VĂN HÓA

1. Sứ mạng

Sứ mạng của Trường ĐHQB được xây dựng phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Phát huy truyền thống hiếu học của con người và vùng đất Quảng Bình, Trường huy động tối đa nội lực, hợp tác chặt chẽ với các trường đại học, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực khoa học, giáo dục, công nghệ, kỹ thuật và kinh tế phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước.

Sứ mạng của Nhà trường được xác định như sau: “Trường Đại học Quảng Bình là trường đại học công lập, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thực hiện nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Bình và cả nước”.

2. Tầm nhìn

Mục tiêu phát triển Trường ĐHQB được xác định trên cơ sở bám sát mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo của Đảng, Nhà nước và của địa phương trong từng thời kỳ, thực hiện có chất lượng và hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và cả nước, trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực, có vị thế cao trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và khu vực vào năm 2035. Mục tiêu của Nhà trường được xác định phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và văn hóa đã tuyên bố, được thể hiện chi tiết thông qua Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động trong từng năm học.

Tầm nhìn của Trường ĐHQB là phát triển theo hướng toàn diện, hiện đại phù hợp với sự phát triển chung của hệ thống các trường đại học ở Việt Nam, khu vực và thế giới, phấn đấu là trường đại học có uy tín trong cả nước, nơi đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu xã hội và là trung tâm hàng đầu trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao các ứng dụng khoa học công nghệ của tỉnh Quảng Bình và khu vực Bắc Trung Bộ. Tầm nhìn của Nhà trường được xác định như sau: “Trường Đại học Quảng Bình phát triển theo định hướng ứng dụng. Trường phấn đấu trở thành trường đại học có uy tín trong cả nước và khu vực; là trung tâm hàng đầu về đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao và chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ của vùng Bắc Trung Bộ”.

3. Giá trị cốt lõi và văn hóa

Giá trị cốt lõi được Nhà trường xác định: “Chất lượng, sáng tạo và hiệu quả” nhằm đạt được mục tiêu chiến lược, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng.

Để thực hiện giá trị văn hóa, định kỳ Nhà trường ban hành và triển khai Bộ quy tắc ứng xử nhằm quy định các chuẩn mực ứng xử văn hóa của viên chức, người lao động và người học đang công tác, học tập tại Trường và quan hệ với các cơ quan trong, ngoài tỉnh. Những quy định về giá trị cốt lõi, giá trị văn hóa được xác định từ các giá trị, truyền thống của Nhà trường trong lịch sử hình thành và phát triển, nhằm thúc đẩy các hành vi, làm cho viên chức, người lao động và người học có lập trường chính trị vững vàng; chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước, nội quy của Nhà trường.

PHẦN II

PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG

1. Phân tích bối cảnh

1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Cùng với quá trình hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, giáo dục đại học đang có xu hướng quốc tế hóa ngày càng tăng cao, đã mang lại nhiều cơ hội cho các trường đại học được tiếp cận những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến. Tuy nhiên, các trường đại học cũng đứng trước những thách thức, đó là việc cạnh tranh để thu hút người học, khó khăn nhất là thiếu đội ngũ giảng viên có trình độ cao, kiến thức vững vàng, kỹ năng chuyên nghiệp đối với những ngành nghề đào tạo mà thị trường lao động đang và sẽ có nhu cầu. Đây là một trong những yêu cầu cần thiết phải xây dựng chiến lược phát triển của mỗi cơ sở đào tạo nói chung và của Trường ĐHQB nói riêng.

1.2. Bối cảnh trong nước

1.2.1. Bối cảnh chính trị, xã hội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã xác định một trong ba khâu đột phá: “Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ”. Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định quan điểm: “Giáo dục, đào tạo cùng với khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển, đồng thời đặc biệt chú trọng các giải pháp, nhiệm vụ gắn kết 2 lĩnh vực này”.

Kế thừa, cụ thể hoá và phát triển tư tưởng các Đại hội XI và XII, Đại hội XIII của Đảng rất quan tâm đến phát triển giáo dục và đào tạo; tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của giáo dục và đào tạo, yêu cầu phải: “Xây dựng đồng bộ thể chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả chủ trương giáo dục và đào

tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển đất nước”.

Tiếp tục khẳng định: “Giáo dục và đào tạo có vị trí then chốt”, những điểm mới về giáo dục, đào tạo trong các văn kiện Đại hội XIII thể hiện rõ ý nghĩa sâu sắc. Khẳng định tính kế thừa, sự nhất quán trong quan điểm của Đảng ta, luôn coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, thực hiện khát vọng phát triển đất nước trong thời gian tới. Thể hiện sự nhanh nhạy của Đảng, Nhà nước Việt Nam, thích ứng với xu thế thời đại, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu của giáo dục và đào tạo trên thế giới, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Bên cạnh đó, tiếp tục làm sáng tỏ hệ thống lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có lộ trình và bước đi phù hợp, lấy con người là trung tâm, trên nền tảng của sự phát triển giáo dục và đào tạo.

1.2.2. Bối cảnh về kinh tế - xã hội

Hội nhập quốc tế, nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển nhưng cũng đứng trước những thách thức không nhỏ, tác động của đại dịch Covid 19, sự cạnh tranh địa chính trị của các nước,... đã đem lại nguy cơ bất ổn cho nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam.

Đại hội XIII của Đảng đã xác định những mục tiêu cụ thể của đất nước ta, đó là: Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: “Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp”; Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: “Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao”; Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nay là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: “Trở thành nước phát triển, thu nhập cao”.

Đại hội XIII của Đảng đã định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm (2021 - 2025):

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700 - 5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hoá khoảng 45%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo

hiếm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

2. Đánh giá tác động chung và phân tích cạnh tranh

2.1. Đánh giá tác động chung

2.1.1. Thuận lợi

Khu vực miền Trung có nhiều tiềm năng phát triển, đặc biệt, Quảng Bình có tiềm năng phát triển về ngành du lịch và dịch vụ. Sự hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu đòi hỏi Việt Nam, trong đó có Quảng Bình phải thực sự đổi mới, việc đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao để thích ứng với xu thế phát triển đã và đang được chú trọng và triển khai. Điều đó sẽ đem lại tiềm năng về nguồn tuyển sinh cho các trường, trong đó có Trường ĐHQB.

Trường có đội ngũ giảng viên nhiệt huyết, năng động, có khả năng tiếp thu và thích ứng nhanh với sự phát triển của tri thức nhân loại.

Sinh viên ra trường linh hoạt tìm kiếm việc làm, có đủ kiến thức và kỹ năng đáp ứng được các yêu cầu thị trường lao động đòi hỏi.

2.1.2. Khó khăn

Tâm lý phổ biến của học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông Quảng Bình là được học tập, đào tạo tại các thành phố lớn, do vậy công tác tuyển sinh hệ chính quy không đạt chỉ tiêu, thậm chí có những ngành thị trường lao động có nhu cầu (ngành Du lịch, Nông - Lâm nghiệp, Công nghệ thông tin, Ngoại ngữ...) nhưng vẫn khó tuyển sinh. Nguồn tuyển hệ liên thông, các loại hình bồi dưỡng cấp chứng của Nhà trường ngày càng bị thu hẹp.

Nhà trường chưa có các chương trình tiên tiến để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; liên kết, hợp tác các chương trình đào tạo nước ngoài còn hạn chế; chưa có cơ chế đào tạo theo địa chỉ, đặt hàng giữa Nhà trường và doanh nghiệp. Công tác hợp tác quốc tế chưa thực sự phát triển và phát huy được hiệu quả.

Cơ sở vật chất, hạ tầng Nhà trường đang được xây dựng và hoàn thiện nhiều hạng mục công trình. Tuy nhiên vẫn chưa đồng bộ và có một số công trình đã bị xuống cấp trầm trọng, không đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi trong các mặt hoạt động.

2.2. Phân tích cạnh tranh

Cùng với xu thế hội nhập về giáo dục và đào tạo, các tổ chức đào tạo, cơ sở giáo dục đại học ở nước ngoài đã và đang thâm nhập thị trường giáo dục Việt Nam (RMIT của Úc, Đại học Việt Đức, Đại học Việt Mỹ, Đại học Việt Pháp,

NUS và NTU của Singapore, Chulalongkong của Thái Lan, Viện Công nghệ châu Á-AIT,...) với trang thiết bị cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại và đồng bộ, chương trình giáo dục tiên tiến, bằng cấp quốc tế... sẽ thu hút được sự quan tâm và lựa chọn của không ít sinh viên Việt Nam. Đây là động lực, là đòn bẩy để các trường nỗ lực, cố gắng thu hút người học, tuy nhiên cũng sẽ xuất hiện nhiều thách thức trong cạnh tranh rất lớn đối với các trường đại học Việt Nam.

Bên cạnh đó, với chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước, nhiều trường đại học dân lập ra đời, đã và đang chia sẻ nguồn lực đầu tư và thị trường giáo dục, các trường tăng cường đổi mới chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục, quan tâm chế độ đãi ngộ để thu hút giảng viên có trình độ, nghiên cứu khoa học, tư vấn và chuyển giao công nghệ.

Thương hiệu của các trường đại học địa phương nói chung và Trường ĐHQB nói riêng có sức thu hút không bằng các trường đại học lớn. Tình hình chính trị, kinh tế - xã hội và dịch bệnh (Covid-19) trong khu vực và trên thế giới có nhiều diễn biến phức tạp và khó lường.

Với những lý do trên sẽ ngày càng tạo ra môi trường cạnh tranh cao trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Vì vậy, Trường ĐHQB cần có chiến lược, giải pháp và kế hoạch hành động phù hợp nhằm ổn định và phát triển. Đây là vấn đề lớn và mang tính cấp thiết.

3. Thực trạng của Nhà trường

3.1. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Hiện nay, cơ cấu tổ chức, bộ máy Nhà trường gồm Hội đồng trường, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Ban Giám hiệu, 07 khoa đào tạo, 01 viện, 09 phòng chức năng và 05 trung tâm phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Các phòng thực hiện chức năng quản lý nhà nước, tham mưu, xây dựng kế hoạch và giúp Nhà trường quản lý, tổ chức và điều hành triển khai hoạt động trong các lĩnh vực được phân công. Các khoa, viện là đơn vị quản lý hành chính cơ sở, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, đào tạo, phối hợp đào tạo bậc cử nhân, sau đại học thuộc lĩnh vực chuyên môn của đơn vị và trực tiếp quản lý sinh viên trong quá trình đào tạo.

Trường có tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Chữ thập đỏ, Chi hội di sản văn hóa, Hội Cựu giáo chức ... hoạt động theo Điều lệ, quy chế của từng tổ chức.

Trường thành lập Hội đồng tư vấn về một số công việc cần thiết, liên quan đến việc triển khai, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường như: Hội đồng xét nâng lương trước thời hạn; Hội đồng tuyển dụng viên chức; Hội đồng

thi đua, khen thưởng; Hội đồng kỷ luật; Hội đồng tuyển sinh;... Hội đồng tư vấn hoạt động theo vụ việc.

3.2. Về tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Theo phân cấp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của UBND tỉnh Quảng Bình, Trường ĐHQB đã triển khai lộ trình tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các lĩnh vực được giao.

Các phòng chức năng, các khoa, bộ môn từng bước tự chủ và chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nâng cao tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị trong Trường. Trong công tác quản lý có sự phân cấp nhiệm vụ rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực, sở trường của từng cá nhân, tạo nên sức mạnh đoàn kết tập thể.

3.3. Đội ngũ viên chức, người lao động

Đội ngũ viên chức, người lao động (VC, NLĐ) không ngừng phát triển về số lượng, chất lượng và ngày càng trẻ hóa. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số toàn Trường là 287 người, trong đó có 174 giảng viên và 113 viên chức, lao động hợp đồng làm công tác hành chính và nhân viên phục vụ; 43 tiến sĩ, 158 thạc sĩ. Đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học đạt tỷ lệ cao, chiếm 95,4%, trong đó có 03 Phó Giáo sư, 43 tiến sĩ chiếm tỷ lệ 24,2% và 124 thạc sĩ. Theo chức danh nghề nghiệp, hiện có 03 giảng viên cao cấp, 67 giảng viên chính, 01 thư viện viên hạng II (*Chi tiết tại Phụ lục số 01*).

3.3.1. Ưu điểm

Đội ngũ VC, NLĐ của Trường về cơ bản đáp ứng nhiệm vụ đào tạo. Cơ cấu đội ngũ giảng viên tương đối hợp lý đối với các ngành và chuyên ngành đào tạo.

Trường có đội ngũ giảng viên trẻ (độ tuổi dưới 40 có 112 người chiếm tỷ lệ 64,4 %) năng động trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy, trau dồi ngoại ngữ, tin học để đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Số lượng VC, NLĐ có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm tỷ lệ cao (hiện nay là 70,0%). Giảng viên trẻ của Nhà trường đang không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đây là đội ngũ kế cận có nhiều tiềm năng của Trường.

3.3.2. Hạn chế

Đội ngũ viên chức hành chính, người lao động phục vụ giảng dạy có cơ cấu chưa phù hợp, chiếm 39,4% (113/287) so với tổng số VC, NLĐ.

Cán bộ đầu ngành còn ít, tỉ lệ giảng viên cơ hữu có học hàm, học vị GS, PGS, TS vẫn còn thấp (hiện có 03 PGS, 43 tiến sĩ); trình độ ngoại ngữ chưa thật sự đồng đều.

Còn thiếu cán bộ giảng viên cơ hữu có trình độ Tiến sĩ để có thể mở mã ngành đào tạo mới, mã ngành đang đào tạo (ngành Luật).

3.4. Hoạt động đào tạo

3.4.1. Kết quả đạt được

Trong giai đoạn 2016 - 2020, Trường ĐHQB đã đạt được nhiều thành tựu trong công tác đào tạo. Cụ thể:

Công tác tuyển sinh: Hàng năm, Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Nhà trường để xây dựng Đề án tuyển sinh phù hợp với nguồn lực của Trường và nhu cầu của xã hội. Mỗi năm, Nhà trường được giao hơn 1000 chỉ tiêu hệ đại học và cao đẳng. Trong khó khăn chung về công tác tuyển sinh, đặc biệt là giai đoạn từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã không ngừng đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh, đa dạng hóa các loại hình đào tạo liên thông, văn bằng 2, học cùng lúc hai chương trình; phối kết hợp hình thức thi tuyển và xét tuyển nhằm thu hút người học để tuyển sinh đạt kết quả cao. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đẩy mạnh công tác kiểm định chất lượng giáo dục, công khai chương trình đào tạo, cam kết chất lượng đào tạo, đảm bảo đầu ra cho sinh viên, coi đây là một kênh truyền thông mũi nhọn về tuyển sinh. Nhờ đó, số lượng tuyển sinh từ năm 2021 có xu hướng tăng trở lại, chất lượng đầu vào ngày càng cao.

Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã mở rộng quy mô tuyển sinh, xây dựng chiến lược tuyển sinh lưu học sinh Lào đến học tiếng Việt và các chuyên ngành trình độ đại học. Nhà trường đã thu hút được 100 - 150 sinh viên Lào/năm theo học các chương trình đào tạo tại Trường. Mặt khác, Nhà trường phát triển và tuyển sinh hiệu quả các chương trình đào tạo ngắn hạn, đặc biệt là chương trình bồi dưỡng và cấp chứng chỉ chức danh nghề nghiệp cho giáo viên Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở. Liên kết tuyển sinh đào tạo nhiều ngành trình độ thạc sĩ với Đại học Đà Nẵng, Trường Đại học khoa học Huế, Đại học Vinh, Học viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Công tác mở mã ngành: Nhà trường đã xây dựng các ngành nghề đào tạo dựa trên định hướng phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Bình và các vùng lân cận với 4 lĩnh vực: Sư phạm, Kinh tế - Xã hội - Du Lịch, Nông - Lâm - Ngư và Kỹ thuật - Công nghệ Thông tin. Giai đoạn 2016 - 2020, Nhà trường đã xây dựng hồ sơ và đã được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo mở mã ngành đào tạo Giáo dục thể chất, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, công tác tuyển sinh các mã ngành mới đảm bảo chỉ tiêu và chất lượng đầu vào. Năm 2019 -

2020, thực hiện Luật Giáo dục đại học sửa đổi, Phòng Đào tạo đã tham mưu Nhà trường triển khai tốt công tác tự chủ trong mở mã ngành, xây dựng chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu địa phương, người học. Trong năm học này, Nhà trường cũng đã Quyết định mở 02 mã ngành mới trình độ đại học: Nông nghiệp và Ngôn ngữ Trung Quốc. Đến 12/2020 Trường ĐHQB rà soát, cơ cấu lại ngành nghề đào tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn. Hiện nay, Trường đã có 18 ngành đào tạo đại học, 01 ngành đào tạo cao đẳng sư phạm (*Chi tiết xem Phụ lục 2*).

Bên cạnh đó, Nhà trường xây dựng Đề án và triển khai các khóa bồi dưỡng cấp chứng chỉ chuyên môn. Giai đoạn 2016 - 2020, được sự cho phép của UBND tỉnh Quảng Bình, Nhà trường đã triển khai nhiều lớp Bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp cho Giáo viên Mầm non, Tiểu học và Trung học cơ sở, đáp ứng yêu cầu đối với tiêu chuẩn giáo viên trong giai đoạn đổi mới giáo dục, đổi mới chương trình phổ thông. Đó là một trong nhiệm vụ quan trọng trong việc đổi mới giáo dục giai đoạn hiện nay của tỉnh Quảng Bình và cả nước.

Công tác phát triển chương trình đào tạo: Nhà trường chủ trương triển khai xây dựng và phát triển chương trình đào tạo gắn liền với chuẩn đầu ra; hoàn thiện nội dung chương trình, tăng cường tính liên thông, chuyển đổi giữa các chương trình; tăng cường phương pháp học chủ động, học tích cực, học trải nghiệm, tăng cường thời gian tự học của sinh viên. Thống nhất giảng dạy các nhóm môn học chung như: lý luận chính trị, ngoại ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh cho tất cả các chương trình đào tạo và một số các môn khoa học cơ bản cho các nhóm ngành. Từng bước thiết kế và phát triển chương trình đào tạo phù hợp với bối cảnh giáo dục mới - giáo dục trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0, sẵn sàng chuyển đổi linh hoạt các hình thức dạy học trực tiếp sang trực tuyến, trực tiếp kết hợp trực tuyến khi có diễn biến dịch bệnh, thiên tai phức tạp xảy ra. Triển khai tự đánh giá chương trình và xây dựng lộ trình đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

Công tác tổ chức đào tạo: Giai đoạn 2016 - 2018 quy mô đào tạo của Nhà trường trên 3000 sinh viên/ năm, giai đoạn 2018 - 2020 giảm xuống dưới 2000 sinh viên/năm. Nhà trường đã thiết lập được hệ thống văn bản, quy trình, quy định hoàn chỉnh về quản lý đào tạo có hệ thống từ cấp trường đến các khoa, viện, phòng, trung tâm thuộc Trường. Hoạt động đào tạo luôn thực hiện đúng kế hoạch đề ra, hoàn thành đúng tiến độ do có sự phối hợp chặt chẽ hơn giữa các phòng chức năng và các khoa, bộ môn, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức đánh giá, xử lý và quản lý kết quả đào tạo. Loại hình đào tạo đa dạng, linh hoạt bao gồm: đào tạo chính quy, liên thông, văn bằng 2, học cùng lúc 2 chương trình; tổ chức tốt các loại hình học tập khác như học theo hình thức thích hợp, học cải thiện kết quả học tập, học lại và học kỳ hè.

Giai đoạn từ năm 2019 đến nay, trong tình hình dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp, Nhà trường đã triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến và tổ chức đào tạo linh hoạt giữa các hình thức trực tiếp, trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến thích ứng với diễn biến dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

Công tác thực hành, thực tập: Công tác thực hành, thực tập luôn được chuẩn bị chu đáo trong tất cả các khâu và triển khai theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo yêu cầu. Đối với hệ liên thông, văn bằng 2, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong điều kiện vừa giảng dạy, công tác, vừa học tập, Nhà trường đã tổ chức công tác thực hành, thực tập theo từng đợt, nhóm ở các thời điểm thích hợp nhất.

3.4.2. Hạn chế

Công tác tuyển sinh giai đoạn 2016 - 2020 ngày càng khó khăn, quy mô đào tạo giảm mạnh (từ 3000 - 4000 sinh viên/năm giai đoạn 2016 - 2018 giảm xuống dưới 2000/năm giai đoạn 2018 - 2021). Số lượng sinh viên/ngành học nhỏ lẻ dẫn đến công tác tổ chức đào tạo khó khăn, phức tạp.

Nhà trường chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ với Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thị và thành phố cũng như hệ thống các Trường Mầm non, phổ thông trên toàn tỉnh để được hỗ trợ trong công tác tuyển sinh chính quy, liên thông, bồi dưỡng chứng chỉ chức danh nghề nghiệp, bồi dưỡng nâng chuẩn giáo viên,...

Nhà trường chưa tạo được mối liên kết chặt chẽ với cơ quan, đơn vị cũng như các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh nhằm tranh thủ các nguồn tuyển sinh đào tạo liên thông, đào tạo nâng chuẩn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, liên kết đào tạo đại học và sau đại học.

Nhà trường chưa phát triển được các chương trình đào tạo tiên tiến, liên kết, chưa công nhận chuyển đổi tín chỉ với các trường trong khu vực và quốc tế.

Hệ thống giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy còn chưa đồng bộ. Đặc biệt, hệ thống phòng học thông minh, phòng học trang bị cho tổ chức dạy học trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp trực tuyến hầu như chưa đảm bảo.

3.5. Nghiên cứu khoa học

3.5.1. Kết quả đạt được

Nhân lực cho hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ của Nhà trường bao gồm các cán bộ giảng dạy, nghiên cứu và sinh viên. Trình độ và năng lực nghiên cứu của Nhà trường ngày càng được tăng cường do số lượng cán bộ, giảng viên (CBGV) được đào tạo sau đại học trong và ngoài nước ngày càng nhiều và khả năng mở rộng quan hệ quốc tế cũng như năng lực tiếp cận thực tiễn ngày càng mạnh.

Nhà trường đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, công nghệ thông tin, nông – lâm – ngư nghiệp.

Kết quả hoạt động NCKH trong 05 năm gần đây:

Bảng 2.1: Kết quả hoạt động NCKH giai đoạn 2016 - 2021

Năm học	Số lượng đề tài NCKH		
	Cấp Bộ/Ngành	Cấp tỉnh	Cấp trường
2016-2017	0	4	26
2017-2018	1	1	19
2018-2019	0	4	15
2019-2020	0	3	16
2020-2021	0	2	27

Trong 05 năm qua, toàn Trường đã có 114 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế, trên 130 bài báo cáo được đăng ký yếu và trình bày tại hội thảo khoa học quốc tế, trên 720 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học cấp ngành trong nước và trên 397 bài báo đăng tạp chí, tập san của Trường.

Bên cạnh đó, các sinh viên cũng rất tích cực tham gia hoạt động NCKH. Trong 5 năm qua, sinh viên của Trường đã thực hiện 96 đề tài NCKH cấp trường. Hằng năm, Nhà trường đều dành kinh phí hỗ trợ các đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên.

3.5.2. Ưu điểm

Quy trình tuyển chọn, thực hiện, nghiệm thu đề tài chặt chẽ, khoa học.

Đề tài NCKH được đánh giá cao, số lượng đề tài xếp loại tốt, xuất sắc chiếm tỉ lệ lớn.

Gần 100% giảng viên đều tham gia NCKH, có công trình đăng trên các tạp chí uy tín khoa học trong và ngoài nước (các tạp chí trong danh mục phong hàm GS, PGS, các tạp chí ISI, Scopus).

Tỉ lệ giảng viên hoàn thành nhiệm vụ NCKH cao, chiếm từ 80% - 90%.

3.5.3. Hạn chế

Các đề tài NCKH chưa đồng đều ở các lĩnh vực, tập trung nhiều ở lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn.

Công tác hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học còn bị hạn chế.

Thiếu cơ sở vật chất và phòng thí nghiệm hiện đại phục vụ cho NCKH.

Vấn đề chuyển giao và ứng dụng các kết quả nghiên cứu chưa đạt hiệu quả cao.

Việc đăng ký bản quyền và sở hữu trí tuệ chưa được chú trọng đúng mức.

3.6. Hợp tác quốc tế

3.6.1. Ưu điểm

Trong nhiều năm qua, Nhà trường đã ký kết hợp tác với 49 Trường đại học, viện nghiên cứu ở 11 quốc gia trên thế giới, trong đó có nhiều trường đã ký kết hợp tác lần 2, lần 3 để tăng cường và duy trì mối quan hệ lâu dài.

Hàng năm, Trường đón tiếp nhiều đoàn khách quốc tế với hàng trăm lượt người đến tìm hiểu, hợp tác nghiên cứu và đào tạo.

Phối hợp tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế; Cử nhiều đoàn cán bộ, giảng viên đi xúc tiến hợp tác, tham dự báo cáo tại các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc, Philippine, Thái Lan, Hoa Kỳ, Singapore...; Tiếp nhận các thực tập sinh và Trợ giảng tiếng Anh của Chương trình Fulbright (Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam) đến hỗ trợ giảng dạy cho sinh viên và CBGV.

Nhà trường đã mời nhiều chuyên gia, giảng viên nước ngoài về tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề, seminar chuyên ngành về các lĩnh vực công nghệ thông tin, toán học, du lịch....

Gửi nhiều CBGV đi học nước ngoài theo các hình thức thực tập, nghiên cứu ngắn hạn, dài hạn, đào tạo sau đại học theo chương trình của Bộ GD&ĐT hoặc trong khuôn khổ các chương trình hợp tác song phương giữa Nhà trường với các trường đại học nước ngoài.

Tiếp nhận và đào tạo hàng trăm lưu học sinh và cán bộ của nước Cộng hoà Dân chủ nhân dân Lào diện hợp tác và tự túc kinh phí sang học tập tại Trường.

Triển khai thực hiện có hiệu quả một số Dự án do đối tác nước ngoài tài trợ.

3.6.2. Hạn chế

Công tác hợp tác quốc tế vẫn có một số hạn chế như sau:

Các đối tác nước ngoài có quan hệ hợp tác với Trường là các đối tác lớn, có uy tín nhưng số lượng có chiều hướng giảm.

Nhiều thỏa thuận đã ký kết nhưng chưa được hiện thực hóa bằng các hoạt động cụ thể. Việc trao đổi giảng viên, sinh viên còn hạn chế do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan.

Số lượng dự án tham gia với đối tác nước ngoài hoặc được nước ngoài tài trợ cho Trường còn chưa nhiều.

3.7. Đảm bảo chất lượng giáo dục

3.7.1. Kết quả đạt được

Căn cứ Chiến lược công tác đảm bảo chất lượng giáo dục (CLGD) của Trường ĐHQB giai đoạn 2019 - 2023 và tầm nhìn đến 2030, trong những năm qua công tác đảm bảo CLGD đạt được các kết quả sau:

Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong tiếp tục được hoàn thiện nhằm từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động thông qua việc thành lập các Hội đồng bảo đảm chất lượng cấp Trường và cấp đơn vị khoa, viện. Có nhiều lượt viên chức đã tham gia các hội nghị, hội thảo, tập huấn về công tác bảo đảm CLGD để nâng cao chất lượng đội ngũ chuyên trách và không chuyên trách công tác bảo đảm CLGD trong Nhà trường.

Việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục (CSGD) định kỳ các năm tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch. Cùng với đó là các hoạt động phục vụ tự đánh giá (TĐG) từng phần chất lượng CSGD dựa theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT tại các đơn vị thuộc và trực thuộc được tiếp tục triển khai.

Công tác ba công khai các năm học được thực hiện đúng theo Quy chế công khai. Ngoài ra, Trường còn triển khai cho các đơn vị khoa, viện chủ động công khai từng phần kết quả hoạt động TĐG các chương trình đào tạo (CTĐT) nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong các hoạt động công khai và tăng cường khả năng thu nhận kết quả phản hồi từ các bên liên quan.

Hoạt động lấy ý kiến phản hồi đối với cán bộ quản lý, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của các đơn vị, hoạt động giảng dạy của giảng viên được thực hiện theo định kỳ hằng năm. Trường ĐHQB đã thực hiện một số hoạt động để điều chỉnh, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng các công cụ, quy trình lấy ý kiến phản hồi.

Từ năm học 2018-2019 đến năm học 2020-2021, Nhà trường đã tổ chức rà soát, thẩm định 24 báo cáo TĐG CTĐT phù hợp với văn bản hướng dẫn mới của Cục Quản lý chất lượng. Hướng dẫn các đơn vị khoa, viện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả TĐG và đăng ký ĐGN với Nhà trường.

Nhà trường đã thực hiện việc quản lý và sử dụng đề thi kết thúc học phần theo nhiệm vụ phân công đúng quy trình; Triển khai công tác đề thi học kỳ các năm học bảo đảm tiến độ và chất lượng đào tạo. Triển khai tổ chức điều chỉnh và ban hành quy trình thực hiện công tác đề thi; tổ chức đánh giá đề thi các năm học theo chuẩn đầu ra.

Công tác quản lý phôi, tem, văn bằng chứng chỉ và xác minh văn bằng, chứng chỉ đảm bảo tiến độ, nghiêm túc, đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường. Công tác in, sao bằng tốt nghiệp được thực hiện đúng quy

định, có chất lượng, hiệu quả. Đã làm tốt công tác xác minh văn bằng, chứng chỉ; cấp bản sao, giấy chứng nhận văn bằng, chứng chỉ khi có yêu cầu.

3.7.2. Hạn chế

Việc cải tiến chất lượng tại các đơn vị chủ yếu thực hiện theo khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và nhìn chung vẫn còn chậm và chưa được quan tâm đúng mức so với kế hoạch yêu cầu.

Các đơn vị thuộc và trực thuộc bên trong Nhà trường chưa thể hiện được tính chủ động trong việc nghiên cứu tiêu chuẩn đánh giá chất lượng ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT để nâng cao chất lượng hoạt động và xây dựng nền nếp văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường.

Công tác TĐG, cải tiến chất lượng các CTĐT sau TĐG theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT vẫn còn chậm và còn nhiều báo cáo TĐG chưa đáp ứng được yêu cầu của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn công tác TĐG và đánh giá ngoài CTĐT.

3.8. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

Thực trạng cơ sở vật chất (CSVC) của Trường ĐHQB tính đến cuối năm 2020 như sau:

Tổng diện tích của Nhà trường là 41,81 ha, trong đó đất hiện đang sử dụng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) là 11,36 ha, đất chưa đưa vào khai thác, sử dụng là 30,45 ha (chưa có GCNQSDĐ).

Các phòng làm việc:

Nhà trường có mặt bằng tổng thể tại cơ sở 1 là 114.225,4 m², trong đó diện tích các phòng làm việc cho CBGV và viên chức hành chính là 5.337 m², gồm văn phòng của 7 khoa, 10 phòng, 05 trung tâm, 01 viện trực thuộc và văn phòng các tổ chức đoàn thể như: Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Cựu giáo chức. Nhà trường có 69 phòng làm việc cho CBGV và viên chức hành chính được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công việc như: máy vi tính, máy in, máy photo, máy điều hòa và các trang thiết bị văn phòng khác. Các khoa, phòng được bố trí 01 phòng làm việc độc lập dành cho Trưởng đơn vị và 01 phòng làm việc chung cho CBGV và viên chức hành chính. Các khối văn phòng khoa, TTHL có phòng seminar, phòng chuyên đề, phòng tự nghiên cứu dùng chung cho tất cả các đơn vị sinh hoạt chuyên môn và NCKH.

Về CSVC phục vụ giảng dạy và NCKH (Phòng học, phòng thực hành, thí nghiệm và xưởng thực hành thực tập, vườn thí nghiệm):

Trường có 74 phòng học, 03 giảng đường lớn, TTHL, 01 nhà thi đấu đa chức năng và 35 phòng thực hành, thí nghiệm, 01 xưởng thực hành thực tập, 01

vườn thực nghiệm. Nhà trường hiện có 09 phòng học ngoại ngữ, 11 phòng đa phương tiện sử dụng cho nhiều chuyên ngành đào tạo, 10 phòng máy tính sử dụng cho các ngành công nghệ thông tin và học ngoại ngữ; Có 01 khu nhà thực hành cho khối sư phạm như Tiểu học - Mầm non, Âm nhạc, Mỹ thuật...; Xưởng thực hành, thực tập sử dụng cho các ngành Điện, Xây dựng; Nhà thực hành dùng cho bộ môn Giáo dục quốc phòng; Vườn thực nghiệm dùng cho khối Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Ngư nghiệp - Môi trường; Có phòng nghiên cứu về trí tuệ nhân tạo, phòng nghiên cứu ứng dụng Viễn thám - GIS...

Hệ thống phòng học, giảng đường lớn, các phòng thí nghiệm, thực hành, TTHL, xưởng, vườn, nhà đa chức năng được quy hoạch tách biệt, với tổng diện tích là 31.717m².

Trang thiết bị:

Năm 2020 Nhà trường tiếp tục được đầu tư kinh phí trang cấp CSVC trang thiết bị hiện đại phục vụ dạy học, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Hiện nay, Nhà trường có 625 máy tính để bàn và máy tính xách tay, trong đó 410 máy tính được bố trí ở 6 phòng phục vụ giảng dạy tin học và thực hành máy tính; 04 phòng Lab dùng để dạy, học ngoại ngữ và thực hành; Trung tâm Học liệu có 28 máy phục vụ việc tự học và tra cứu thông tin; 170 máy tính được lắp đặt ở các văn phòng, 08 máy quay phim chụp ảnh kỹ thuật số, 54 máy chiếu projector, 106 máy in, 14 máy photocopy, 7 máy scanner, 43 máy trợ giảng cùng nhiều thiết bị khác được trang bị ở các khoa, phòng, viện, trung tâm phục vụ cho hoạt động dạy học, NCKH và công tác quản lý. 100% cán bộ làm công tác hành chính và CBQL các phòng, khoa, viện, trung tâm đều được trang bị máy tính.

Tất cả các máy tính phục vụ dạy học, NCKH và quản lý đều được kết nối internet tốc độ cao, hệ thống wifi được phủ sóng toàn Trường với 43 điểm phát sóng, Nhà trường có 01 phòng máy chủ được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại, các thiết bị, hệ thống đường truyền internet, mạng nội bộ (mạng LAN).

Khu ký túc xá và sân bãi:

Nhà trường có 02 khu Ký túc xá (KTX), trong đó khu KTX A-B diện tích xây dựng 4.169 m² với 80 phòng, mỗi phòng 32 m² bố trí 8 SV/phòng; khu KTX sinh viên (SV) nước ngoài và nhà thỉnh giảng diện tích xây dựng 2.497m² với 32 phòng, có 4 phòng, mỗi phòng 65 m² bố trí 10 SV/phòng và 28 phòng, mỗi phòng 35m² bố trí 6 SV/phòng. Với tổng diện tích KTX của Nhà trường là 6.666 m², bố trí được 848 SV ở. Các phòng được trang bị nội thất đầy đủ như điện chiếu sáng, quạt, giường, tủ, có phòng vệ sinh khép kín. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại KTX được trang cấp đầy đủ các thiết bị chữa cháy gồm 48 bình bột, mỗi tầng đặt 06 bình và hệ thống lăng vòi chữa cháy bằng nước với 03 máy bơm bằng động cơ điện, 01 máy bơm nước áp lực cao bằng động cơ xăng.

Nhà ăn tại KTX phục vụ cho SV và CBGV với diện tích 376 m² được trang bị các thiết bị nấu ăn, bàn ghế công nghiệp hiện đại.

Ưu điểm:

Nhà trường đã đầu tư, trang bị nhiều thiết bị, dụng cụ phục vụ cho việc giảng dạy và NCKH hiện đại, đáp ứng nhu cầu của sinh viên.

CSVC của Nhà trường đã thực sự đóng vai trò quan trọng, là một trong những yếu tố góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tại Trường. Hiện nay, CSVC của Trường gồm nhà cửa, vật kiến trúc, các phương tiện, trang thiết bị, đồ dùng... được sử dụng cho hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác liên quan đã thực sự giúp giảng viên nâng cao chất lượng và hiệu quả trong nghiên cứu và giảng dạy, đồng thời nâng cao khả năng lĩnh hội kiến thức, rèn luyện và hoàn thiện các kỹ năng của sinh viên trong quá trình học tập tại Trường.

Hạn chế:

Trong điều kiện Nhà trường thực hiện tự chủ tài chính theo quy định, nguồn thu học phí giảm mạnh, vì vậy kinh phí phục vụ mua sắm, nâng cấp bảo trì trang thiết bị thí nghiệm gặp nhiều khó khăn, tình trạng thiết bị thí nghiệm, thực hành vẫn còn đang thiếu thốn, nhiều thiết bị đã hư hỏng, lạc hậu. Do đó, sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ giảm khả năng thích ứng với công việc ở trong các công ty, doanh nghiệp sử dụng công nghệ máy móc hiện đại.

3.9. Nguồn lực tài chính

Giai đoạn 2016 - 2020, kinh phí hoạt động của Nhà trường được hình thành từ hai nguồn: Nguồn ngân sách Nhà nước cấp và nguồn thu sự nghiệp.

Bảng 2.2: Tình hình tài chính của Trường trong 5 năm (2016 - 2020)

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Tổng số VC, NLĐ	Ngân sách Nhà nước cấp				Nguồn thu ngoài ngân sách			Tổng cộng
		Tiền lương & CK trích theo lương	Chi công tác HC	Nghiệp vụ CM, mua sắm CSVC	Khác	Học phí chính quy	Học phí không chính quy	Thu khác	
2016	320	25.600	2.581	1.774	18.501	11.016	5.733	594	65.799
2017	317	18.429	2.641	1.823	8.572	14.488	9.640	108	55.701
2018	314	19.352	2.354	1.225	9.159	11.200	6.853	99	50.242
2019	304	23.663	2.198	1.107	4.767	9.400	4.000	955	46.090
2020	287	19.446	698	505	4.158	8.217	3.829	131	36.984

Nguồn ngân sách cấp cho chi thường xuyên hàng năm của Trường có xu hướng giảm theo lộ trình tự chủ tài chính; năm 2016 đạt 48,456 tỷ đồng, giảm xuống đến năm 2020 chỉ còn 24,807 tỷ đồng. Do tuyển sinh khó khăn, nguồn thu ngoài ngân sách cũng giảm mạnh, cụ thể: năm 2016 là 17,343 tỷ đồng, đến năm 2020 còn 12,177 tỷ đồng. Theo đó, tỷ trọng nguồn kinh phí từ ngân sách cũng giảm theo tương ứng (năm 2016 chiếm khoảng 73,6%, đến năm 2020 chỉ chiếm 67,1% trong tổng nguồn thu của Trường). Kết hợp hai yếu tố về lộ trình tự chủ tài chính và tuyển sinh khó khăn đã làm cho tổng thu của Trường giảm rất mạnh, tổng nguồn thu năm 2016 là 65,799 tỷ đồng và giảm mạnh qua các năm. Đến năm 2020, tổng thu chỉ đạt 36,984 tỷ đồng, bình quân mỗi năm giảm thu 5,76 tỷ đồng.

Về các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, chi cho mua sắm trang thiết bị, các chương trình mục tiêu, các dự án đầu tư: Giai đoạn 2016-2020, mặc dù Trường đã tích cực xây dựng các dự án và đã quan tâm nhiều đến việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất của Trường, nhưng hiện tại tổng mức vốn đầu tư/năm của Trường vẫn còn ở mức rất thấp so với nhu cầu đầu tư xây dựng về cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị thí nghiệm.

Về công tác quản lý tài chính: Trong giai đoạn 2016 - 2020, Trường đã quản lý tốt các nguồn kinh phí, các quỹ, đảm bảo chi tiêu kịp thời đúng chế độ chính sách của Nhà nước, không để xảy ra các vi phạm hay thất thoát về tài chính. Các khoản thu đều thu đủ và thu đúng theo quy định của Nhà nước, các khoản chi đảm bảo chấp hành theo Luật Ngân sách, theo dự toán được giao và theo kiểm soát của Kho bạc Nhà nước. Công tác lập dự toán, chế độ chi tiêu tài chính thực hiện theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ của Trường, đúng với các quy định của Nhà trường và của Nhà nước. Nhà trường đã có những chế độ chính sách tài chính tích cực phục vụ cho việc nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH của Trường, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ giảng dạy, hỗ trợ đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, đầu tư cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm. Hàng năm, Nhà trường đã thực hiện công khai tài chính, tích cực thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý tài chính, tài sản, vật tư...

Ưu điểm:

Công tác quản lý tài chính đã phát huy được hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn kinh phí.

Thực hiện chi tiêu đúng chế độ theo các quy định của Nhà nước, chấp hành tốt các quy định về quản lý ngân sách. Qua các đợt thẩm tra quyết toán của Sở

Tài chính, thanh kiểm tra của các cơ quan thuế, Thanh tra tỉnh và Kiểm toán Nhà nước, công tác tài chính Nhà trường được đánh giá là đã thực hiện tốt.

Trường đã tích cực thực hiện các giải pháp tăng thu như mở thêm nhiều ngành nghề mới, mở thêm các lớp đào tạo ngắn hạn tại các huyện, thị... để cố gắng ổn định nguồn thu học phí của Nhà trường trong điều kiện nguồn thu từ các hệ đào tạo chính quy, liên thông, văn bằng 2 đều giảm. Bên cạnh việc tăng thu thì công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng được Trường tích cực coi trọng.

Hạn chế:

Trong bối cảnh chung các trường đại học địa phương đều gặp khó khăn về công tác tuyển sinh, cùng với nguồn ngân sách của tỉnh cấp hàng năm giảm theo lộ trình tự chủ tài chính, điều đó dẫn đến nguồn thu giảm mạnh, khó khăn trong việc duy trì mọi hoạt động một cách bình thường, ổn định và phát triển.

4. Phân tích tổng hợp các điểm mạnh - yếu, cơ hội và thách thức

4.1. Thế mạnh

Tổ chức bộ máy gọn, đội ngũ giảng viên trẻ, tiếp cận nhanh kiến thức và phương pháp giảng dạy tiên tiến, năng động, ham học hỏi, thường xuyên được bồi dưỡng nâng cao trình độ.

100% các ngành đào tạo chính quy đã thực hiện theo hình thức đào tạo theo tín chỉ.

Trường ĐHQB luôn nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ về cơ sở vật chất của UBND tỉnh, các sở, ban ngành, mặt khác Trường cũng được thừa hưởng thế mạnh sẵn có của Trường Trung cấp, Cao đẳng sư phạm trước đây, có uy tín về đào tạo các ngành sư phạm ... điều đó rất thuận lợi trong việc tổ chức các chương trình đào tạo, nghiên cứu có tính liên ngành và mới.

Hiện nay, Trường đã được quy hoạch và đang tiến hành xây dựng các khu sân đường nội bộ, khu liên hợp thể thao, hệ thống thoát nước, khu ký túc xá sinh viên Lào ... tại cơ sở 1, đây là môi trường rất tốt và thuận lợi cho giảng viên, VC, NLĐ và sinh viên của Trường công tác, học tập, sinh hoạt, vui chơi giải trí, rèn luyện sức khỏe.

Công tác NCKH được Trường quan tâm, chú trọng nên nhiều đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm của CB, GV và của SV được nghiệm thu có giá trị thực tiễn và được đưa vào ứng dụng trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập và trong thực tiễn đời sống xã hội.

Công tác đảm bảo chất lượng thực hiện đúng các yêu cầu của Bộ GD&ĐT.

4.2. Hạn chế

Thiếu đội ngũ cán bộ có học vị, học hàm cao, thông thạo ngoại ngữ để mở ngành nghề đào tạo đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trường đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện, song một số giảng đường đã xuống cấp (giảng đường A, giảng đường C,...); cơ sở vật chất vẫn còn gặp khó khăn nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng và kiến tạo thương hiệu mạnh cho Trường.

Công tác hợp tác quốc tế chưa phát huy được thế mạnh và chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng của Trường đặt ra.

Công tác tài chính còn gặp nhiều khó khăn trước những yêu cầu về đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng và thu nhập của đội ngũ GV,VC và NLD.

4.3. Cơ hội

Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, nêu rõ: Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế đạt trên 75%, trong đó đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 36%; Giải quyết việc làm cho người lao động giai đoạn 2021 - 2025 là 18.000 người/năm, giai đoạn 2025 - 2030 và đến năm 2050 tối thiểu là 20.000 người/năm. Do đó, nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ ở tỉnh Quảng Bình và các khu vực lân cận là rất lớn, đây là cơ hội về nguồn tuyển sinh dồi dào của Trường.

Việt Nam đang tích cực thúc đẩy và hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư công sẽ là cơ hội cho Trường ĐHQB được đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng ngày càng khang trang, đồng bộ và theo hướng hiện đại.

Trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập diễn ra mạnh mẽ, Trường ĐHQB có nhiều cơ hội đẩy mạnh các hoạt động hợp tác phát triển, thu hút nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, đối tác và khả năng liên kết với các trường đại học uy tín trong khu vực và trên thế giới.

4.4. Thách thức

Cùng với chính sách xã hội hóa giáo dục, tâm lý của người học ở Quảng Bình muốn đến các cơ sở đào tạo ngoại tỉnh, ở các thành phố lớn và du học. Từ đó, Trường sẽ có nhiều đối thủ cạnh tranh hơn, nguy cơ chia sẻ nguồn lực và thị trường giáo dục đào tạo là rất lớn.

Toàn cầu hóa đòi hỏi Trường phải đa dạng hóa loại hình và nâng cao chất lượng đào tạo để có thể hòa nhập trong cộng đồng thế giới. Sản phẩm đào tạo

của Trường phải được công nhận ở nước khác. Đây là thách thức rất lớn của Trường, đòi hỏi phải làm thế nào để hiện đại hóa công tác giáo dục đại học.

Trường phải tự chủ toàn diện theo lộ trình trong thời gian tới, do đó sẽ gặp rất nhiều khó khăn về đảm bảo tài chính trong quá trình phát triển Trường.

Chất lượng đầu ra còn chưa cao do chất lượng đầu vào thấp, bởi đối tượng tuyển sinh thuộc vùng khó khăn so với cả nước.

5. Phân tích về chiến lược phát triển Nhà trường

Trên cơ sở đánh giá thực trạng giai đoạn 2016 – 2020, chỉ ra thế mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức của Trường, Chiến lược phát triển Trường ĐHQB giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2035 được xác định rõ ràng, hoạch định các mục tiêu, giải pháp và chương trình hành động trên các nội dung sau đây:

- Chuẩn hóa đội ngũ giảng viên, viên chức và người lao động cả về số lượng lẫn chất lượng: trình độ chuyên môn cao (TS, PGS, GS), tác phong chuyên nghiệp, thành thạo ngoại ngữ.

- Mở rộng quy mô, phát triển xây dựng trường theo mô hình có các trường, trung tâm thuộc Trường.

- Phát triển đào tạo sau đại học, liên kết quốc tế, các hình thức liên thông, đào tạo, bồi dưỡng các lớp ngắn hạn ...

- Tập trung nguồn lực để cải tiến chương trình đào tạo, nội dung giáo trình, tài liệu tham khảo, đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực.

- Tăng cường công tác NCKH, gắn NCKH với phục vụ đào tạo và dịch vụ xã hội. Tăng dần tỷ trọng nguồn thu từ các hoạt động NCKH, tư vấn và dịch vụ.

- Đẩy mạnh quan hệ quốc tế, liên kết và từng bước mở rộng các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài, đạt tới chất lượng cao với chi phí phù hợp.

- Đẩy mạnh công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục.

- Hoàn thiện và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất: Cơ sở hạ tầng sân đường nội bộ, Khu liên hợp thể thao, Xưởng thực hành kỹ thuật, Phòng thí nghiệm, Vườn thực nghiệm ... có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH.

- Tích cực tăng nguồn thu kinh phí ngoài ngân sách cấp.

PHẦN III

MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHIẾN LƯỢC

1. Mục tiêu chiến lược

1.1. Mục tiêu tổng quát

Mục tiêu chung là xây dựng Trường Đại học Quảng Bình trở thành trường đại học có uy tín hàng đầu khu vực Bắc Miền trung về đào tạo cán bộ trình độ đại học và sau đại học các ngành khoa học cơ bản; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy và quản lý có chuyên môn cao, có năng lực NCKH; đảm bảo cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động của Trường; các chương trình đào tạo bắt kịp trình độ giáo dục đại học trong khu vực và tiếp cận xu thế phát triển giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao và thích ứng hội nhập khu vực ASEAN và thế giới.

1.2. Các mục tiêu cụ thể

1.2.1. Xây dựng bộ máy tổ chức và quản lý

Tổ chức bộ máy của Trường phải tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, có cơ cấu hợp lý, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ nhằm hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tiến dần đáp ứng mô hình quản trị đại học hiện đại: Áp dụng mô hình, tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị đại học hiện đại, phù hợp với quy định của Luật Giáo dục đại học.

Hệ thống quản trị đại học của Trường được vận hành có hiệu quả trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ quản lý. Cùng cố, kiện toàn lại tổ chức bộ máy các phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường nhằm nâng cao hiệu lực quản lý và điều hành.

1.2.2. Xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý có phẩm chất, điều kiện, tiêu chuẩn, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đến năm 2025, ít nhất 50% (24 người) lãnh đạo cấp phòng trở lên có thể sử dụng được ngoại ngữ để giao tiếp, làm việc với các đối tác nước ngoài; đến năm 2035, đạt tỷ lệ 70% (36 người).

Xây dựng đội ngũ giảng viên có phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, năng lực, trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tiễn và hội nhập quốc tế. Chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên được đào tạo ở nước ngoài. Đến năm 2025, đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Quảng Bình có khoảng 198 người. Trong đó, giảng viên có trình độ tiến sĩ chiếm tối thiểu 35% (70 người), trong đó tối thiểu 7,1% (5 người) giảng viên trình độ tiến sĩ có chức danh phó giáo sư, tối thiểu 25% (50 người) giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu, trình

bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài; đến năm 2035, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt ít nhất 45% (118 người), trong đó ít nhất 15% (18 người) giảng viên có trình độ tiến sĩ có chức danh giáo sư, phó giáo sư, tối thiểu 45% (118 người) giảng viên có thể giảng dạy, nghiên cứu trình bày hội thảo, trao đổi học thuật trực tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Đội ngũ chuyên viên, nhân viên phục vụ, hỗ trợ có tác phong công sở hiện đại, văn minh, chuyên nghiệp. Đến năm 2025, 100% viên chức hành chính đạt các yêu cầu theo tiêu chuẩn tại Khung năng lực vị trí việc làm của Trường; có khả năng ứng dụng mạnh công nghệ thông tin trong giải quyết công việc; ít nhất 30% (20 người) có thể sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc. Tỷ lệ này tăng dần đến năm 2035 và những năm tiếp theo.

Đến năm 2025, 100% đội ngũ quản lý, giảng viên, nhân viên trong toàn Trường có khả năng ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý, làm việc, giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

1.2.3. Phát triển hoạt động đào tạo

Hoàn thiện cơ cấu ngành nghề đào tạo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050 với khoảng 20 ngành đào tạo trình độ đại học, 01 ngành đào tạo trình độ cao đẳng. Trong đó, tập trung vào các ngành đào tạo nguồn nhân lực cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh như Du lịch, nông lâm ngư nghiệp. Khỏi ngành sư phạm tập trung đào tạo, bồi dưỡng giáo viên các môn học tích hợp mới trong chương trình phổ thông.

Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh; vận dụng hiệu quả công nghệ 4.0 trong công tác tuyển sinh. Phấn đấu đến năm 2025 tuyển sinh đạt 1000 - 1200 chỉ tiêu/năm.

Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyển sinh, đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo.

Xây dựng chương trình đào tạo linh hoạt, thích ứng cao; đồng thời, bảo đảm chất lượng trong đào tạo và hội nhập quốc tế. Mục tiêu đến năm 2026, có từ khoảng 02 chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao; đến năm 2030, có khoảng 03 - 05 chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực lao động chất lượng cao và đa dạng của xã hội, đáp ứng nhu cầu việc làm trong thời đại công nghiệp 4.0.

Phát triển các mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, phấn đấu đến năm 2025 mở được 01 mã ngành và đến 2030 là 03 mã ngành.

Phần đầu trong giai đoạn 2021 - 2025: tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hằng năm là 95% - 97%, tỷ lệ sinh viên học lại hằng năm ở mức dưới 5%, tỷ lệ sinh viên bỏ học hằng năm ở mức dưới 3%; tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường hằng năm đạt từ 75% đến 85%.

Giai đoạn 2026 - 2035, xây dựng và phát triển Trường THPT trực thuộc Trường Đại học Quảng Bình trở thành trường THPT chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

1.2.4. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao KH - CN

Trường Đại học Quảng Bình đi tiên phong trong việc nghiên cứu triển khai chuyển đổi số nhằm giữ vững và phát huy vị thế của một trung tâm nghiên cứu hàng đầu của tỉnh trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, kinh tế - văn hóa - xã hội dựa trên những nền tảng của công nghệ mới.

Ưu tiên nguồn lực để đưa Tạp chí Khoa học và Công nghệ của Nhà trường vào danh mục tính điểm công trình phong hàm GS, PGS.

Đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2035, hoạt động KHCN đóng vai trò cốt lõi trong sự phát triển của Nhà trường và hỗ trợ cho việc phát triển chương trình đào tạo để đáp ứng các yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển mạnh các bài báo khoa học trong nước và quốc tế cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là các bài báo thuộc danh mục ISI và Scopus; đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao KHCN, tập trung phát triển một số sản phẩm khoa học có tầm ảnh hưởng cao nhằm khẳng định vị thế và tạo đà phát triển.

Mục tiêu đến năm 2025, toàn trường phần đầu có 3 đề tài khoa học cấp nhà nước, 12 đề tài khoa học cấp tỉnh, 120 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế, trên 800 bài báo đăng trên các tạp chí khoa học cấp ngành, trong nước.

1.2.5. Hợp tác quốc tế

Tiếp tục củng cố và phát triển quan hệ với các cơ sở giáo dục đào tạo có uy tín ở các nước tiên tiến; Tích cực mở rộng, xúc tiến liên kết đào tạo với các trường đại học Thái Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Ba Lan, Đài Loan; khuyến khích các nhóm nghiên cứu chủ động tìm kiếm các chương trình dự án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài; khuyến khích cán bộ giảng viên tìm kiếm các nguồn học bổng, nguồn tài trợ để học tập, nâng cao trình độ chuyên môn; thu hút những trí thức Việt kiều hợp tác với Trường và những người được đào tạo ở các nước tiên tiến về làm việc; tăng cường trao đổi thông tin phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; trao đổi giảng viên, sinh viên.

Tiếp tục hiện thực hóa bằng các hoạt động, các chương trình cụ thể nhiều thỏa thuận đã ký kết giữa Trường ĐHQB và các viện nghiên cứu, các trường đại

học lớn trong khu vực và trên thế giới trong bối cảnh khó khăn chung của toàn cầu vì dịch bệnh Covid-19.

Kết hợp hoạt động quốc tế và hợp tác với các trường đại học trong nước, Trường ĐHQB luôn đặt mục tiêu hiệu quả, đảm bảo sự công bằng, các bên cùng có lợi và phát triển. Phấn đấu đến năm 2025, nhà trường có 7 dự án hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

1.2.6. Đảm bảo chất lượng giáo dục

Công tác đảm bảo CLGD cần chú trọng đến chất lượng đào tạo, luôn phải tự đánh giá, kiểm tra chất lượng bằng nhiều phương pháp, nhiều nguồn thông tin để có những giải pháp điều chỉnh thích hợp, nhằm mục đích ngày càng nâng cao chất lượng đào tạo. Tập trung vào kiểm tra mục tiêu đào tạo, kết quả thực hiện về nguồn nhân lực, vật lực và sự chuẩn bị cho giai đoạn tiếp theo đảm bảo thành công toàn bộ chiến lược phát triển.

Nâng cao chất lượng sau đánh giá ngoài cấp CSGD định kỳ các năm tiếp theo. Các đơn vị thuộc và trực thuộc được tiếp tục triển khai đảm bảo các tiêu chuẩn, tăng cường mức độ đạt được các tiêu chí kiểm định chất lượng ở mức cao nhất theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT. Nhà trường tổ chức công tác tự đánh giá CSGD cuối năm 2022, hoàn thiện hồ sơ tự đánh giá để đăng ký Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo đánh giá ngoài CSGD chu kỳ thứ hai (năm 2023). Tiếp tục tổ chức công tác tự đánh giá CSGD chu kỳ thứ ba (năm 2028) và chu kỳ thứ tư (năm 2033) theo Chương trình phát triển đảm bảo chất lượng giáo dục đề ra đến năm 2035.

Tăng cường công tác ba công khai các năm học theo Quy chế công khai. Các đơn vị khoa, viện chủ động công khai từng phần kết quả hoạt động TĐG các CTĐT nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong các hoạt động công khai và tăng cường khả năng thu nhận kết quả phản hồi từ các bên liên quan.

Cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo phải được triển khai 4 năm 1 lần để đáp ứng Khung trình độ quốc gia và điều chỉnh theo yêu cầu thực tế của hoạt động đào tạo. Công tác tự đánh giá chương trình đào tạo được triển khai hằng năm theo các kế hoạch bảo đảm chất lượng giáo dục. Từ năm học 2021-2022, Nhà trường tổ chức TĐG 13 CTĐT, trong đó xây dựng hoàn thiện 04 Báo cáo TĐG CTĐT đăng ký đánh giá ngoài phục vụ đánh giá ngoài CSGD chu kỳ thứ hai (năm 2023) và tiếp tục tổ chức TĐG và ĐGN CTĐT theo Chương trình phát triển đảm bảo chất lượng giáo dục đến năm 2035.

Việc lấy ý kiến phản hồi đối với cán bộ quản lý; đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên; cơ sở vật chất và chất lượng phục vụ của các đơn vị; hoạt động giảng dạy của giảng viên phải tiếp tục được thực hiện theo định kỳ hằng năm.

Công tác đề thi học kỳ các năm học phải bảo đảm tiến độ và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Tiếp tục triển khai tổ chức điều chỉnh và ban hành quy trình thực hiện công tác đề thi; tổ chức đánh giá đề thi các năm học theo chuẩn đầu ra.

Công tác quản lý phôi, tem, in, sao văn bằng chứng chỉ và xác minh văn bằng, chứng chỉ phải đảm bảo tiến độ, nghiêm túc, đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường.

1.2.7. Xây dựng cơ sở vật chất

Tập trung mọi nguồn lực để xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất Trường Đại học Quảng Bình theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và chuyên môn hóa. Bắt kịp xu hướng hội nhập và phát triển bền vững, góp phần thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Trước hết, cần tập trung rà soát, điều chỉnh, bố trí, sắp xếp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất hiện có của Nhà trường. Việc mua sắm bổ sung chỉ tính đến việc trang bị các thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin để phù hợp với xu hướng phát triển của khoa học công nghệ hiện nay.

Kiểm tra và giám sát việc lập kế hoạch, tổ chức quản lý sử dụng, sửa chữa và bảo quản cơ sở vật chất ở các đơn vị để đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Ngoài ra, để tránh trường hợp có quá nhiều hoạt động diễn ra cùng một lúc, cùng một thời điểm thì việc lập kế hoạch giáo dục của Nhà trường là hết sức quan trọng. Với một kế hoạch giáo dục khoa học, hợp lý và phù hợp thì việc sử dụng cơ sở vật chất hiện có sẽ hiệu quả.

Đầu tư thiết bị giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ, hiện đại và thiết thực từng bước.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp thư viện theo hướng thư viện điện tử và tham gia mạng lưới các thư viện trong nước.

Xây dựng các giảng đường lớn với các trang thiết bị giảng dạy và học tập hiện đại.

Khuyến khích, huy động đến mức cao nhất mọi nguồn lực, các nguồn vốn trong dân cư, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và các nhà đầu tư dưới nhiều hình thức (góp vốn xây dựng, hiến đất xây dựng, đầu tư xây dựng trực tiếp, cho vay vốn đầu tư xây dựng...) để góp phần giải quyết các khó khăn trong đầu tư cơ sở vật chất cho Nhà trường.

Bảng 3.1: Nhu cầu đầu tư các dự án và CSVC giai đoạn 2021- 2025*Đơn vị : Triệu đồng*

TT	Danh mục dự án	Thời gian	Tổng mức đầu tư	Mục tiêu đầu tư và hiệu quả đầu tư	Ghi chú
1	Dự án: Xây dựng cải tạo và nâng cấp Cơ sở 1 Trường ĐHQB	2021-2025	116.800		
1	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khối giảng đường A1, A2	2023-2025	14.000	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	Nguồn vốn trong Tỉnh
2	Hạng mục: Cải tạo nâng cấp Nhà Hiệu bộ	2022-2023	3.000	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu làm việc của cán bộ Giảng viên của trường.	
3	Hạng mục: Nâng cấp hệ thống sân, đường nội bộ phía Bắc khuôn viên	2023-2024	5.500	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	
4	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khối giảng đường B1, B2, B3	2023-2024	3.000	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	
5	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khối nhà D	2024-2025	3.500	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	
6	Hạng mục: Nâng cấp mặt sân, xây dựng các loại sân phục vụ công tác giảng dạy	2024-2025	2.500	Tăng cường cơ sở vật chất thể dục thể thao, phục vụ công tác học tập và giảng dạy; đáp ứng nhu cầu của CBVC và người học	
7	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khối nhà C	2024-2025	20.000	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	
8	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khối nhà H	2022	300	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	Nguồn vốn trong Tỉnh
9	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu KTX C1,C2 và xây dựng mới Khu KTX cho SV Campuchia	2022 -2024	32.000	Phục vụ cho sinh viên và CBGV	Nguồn vốn của Bộ Ngoại giao
10	Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khối nhà TTHL, khối VP khoa KTDL, CLBSV, Khu KTX SV Lào và thính giảng	2021 – 2025 Hư hỏng sửa chữa hàng năm	3.000	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu giảng dạy và học tập.	Nguồn vốn trong Tỉnh
11	Hạng mục: Mua sắm CSVC trang thiết bị	2021-2025	30.000	Phục vụ cơ sở vật chất đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH	Nguồn vốn địa phương, Trung ương

1.2.8. Huy động các nguồn lực tài chính

Trong giai đoạn 2021 - 2025, Trường tiếp tục tìm các biện pháp tăng nguồn thu. Hàng năm mức thu ngoài ngân sách tăng từ 15-20% nhằm bù đắp mức giảm từ nguồn ngân sách nhà nước cấp theo lộ trình tự chủ tài chính. Phấn đấu đến năm 2025 tổng nguồn thu của Trường đạt trên 50 tỷ đồng, trong đó nguồn thu ngoài ngân sách cấp gần 30 tỷ đồng.

Chủ động tăng quy mô tuyển sinh, tăng số lượng các ngành nghề đào tạo, loại hình đào tạo. Ngoài ra, Trường còn chủ động xây dựng các dự án đầu tư tăng cường năng lực, dự án đầu tư xây dựng cơ bản, dự án trang thiết bị thí nghiệm, các dự án tài trợ quốc tế để tăng nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho Trường.

Tích cực tìm kiếm các biện pháp tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ, từ NCKH và chuyển giao công nghệ, từ hoạt động liên kết đào tạo, từ hoạt động hợp tác quốc tế.

2. Giải pháp chiến lược

2.1. Các giải pháp chung

Thông nhất nhận thức và hành động của tất cả các viên chức và người lao động trong Trường theo các nội dung của Chiến lược phát triển.

Đào tạo theo nhu cầu xã hội.

Tăng cường gắn kết có hiệu quả giữa Trường với các cơ quan, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp, nhà tài trợ và cộng đồng.

2.2. Các giải pháp cụ thể

2.2.1. Thể chế và chính sách

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình cho phù hợp tình hình thực tiễn Nhà trường. Ban hành các quy định cụ thể về tái cấu trúc bộ máy có liên quan đến tổ chức của Trường như tái cấu trúc các tổ chức đoàn thể; thành lập các phòng, khoa, trung tâm,... theo thứ tự ưu tiên các công tác và lộ trình phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động.

Hoàn thiện hệ thống hóa các văn bản quản lý, quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của từng đơn vị trong Nhà trường.

2.2.2. Xây dựng cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Rà soát, hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng giai đoạn; các đơn vị thuộc Trường được phân định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn rành mạch, rõ ràng, có quan hệ phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả; nghiên cứu thành lập một số viện nghiên cứu hoặc tổ chức kinh doanh, cung cấp dịch vụ theo hướng tự chủ.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học - công nghệ tiên tiến trong quản lý điều hành, đào tạo, giảng dạy - học tập; từng bước áp dụng tiêu chuẩn, chuẩn mực quản trị hiện đại.

2.2.3. Xây dựng đội ngũ viên chức, người lao động

Xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đủ về số lượng và mạnh về chất lượng theo hướng: phát triển đội ngũ nhân sự phù hợp với yêu cầu của từng đơn vị, xác định cơ cấu giảng viên theo hướng tăng tỷ lệ tiến sĩ; thu hút các giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên được đào tạo ở nước ngoài theo các mục tiêu của Kế hoạch chiến lược này.

Chú trọng rà soát, đánh giá chất lượng đội ngũ giảng viên thông qua năng lực chuyên môn, năng lực giảng dạy và năng lực nghiên cứu, đồng thời có biện pháp xử lý phù hợp đối với những trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên dưới nhiều hình thức, chú trọng việc gửi viên chức, người lao động ra nước ngoài học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm; đa dạng hóa hợp tác quốc tế nhằm phát triển nhanh nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ giảng viên.

Xây dựng đội ngũ viên chức hành chính tinh gọn, chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất, có khả năng sáng tạo, thực hiện tốt công việc, có năng lực hội nhập. Hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và tiêu chí đánh giá công tác của đội ngũ viên chức hành chính; chú trọng đào tạo bồi dưỡng kiến thức, năng lực làm việc cho đội ngũ viên chức hành chính.

Tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Trường đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn sắp tới, nhằm tạo sự chủ động, sớm phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực lãnh đạo, quản lý, năng lực hội nhập, được đào tạo bài bản để quy hoạch, bồi dưỡng rèn luyện, thử thách, đáp ứng các nhiệm vụ trước mắt và lâu dài của Trường. Chú trọng kiện toàn các đơn vị, trong đó đặt trọng tâm kiện toàn tổ chức, cán bộ những đơn vị thể mạnh, chủ lực của Trường.

2.2.4. Phát triển hoạt động đào tạo

Phân tích Quy hoạch tỉnh Quảng Bình thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn 2050, khảo sát nhu cầu nhân lực lao động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, trong đó, chú trọng các ngành kinh tế mũi nhọn như Du lịch, Nông lâm nghiệp,...; Trên cơ sở đó, cơ cấu lại ngành nghề đào tạo, xây dựng lộ trình tuyển sinh, đào tạo phù hợp, hiệu quả. Đối với khối ngành sư phạm, tập trung nhân lực xây dựng mã ngành sư phạm Khoa học Tự nhiên, sư phạm Khoa học xã hội, sư phạm Công nghệ nhằm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đáp ứng nhu cầu phổ thông.

Đẩy mạnh công tác truyền thông tuyển sinh; vận dụng hiệu quả công nghệ 4.0 trong công tác tuyển sinh. Phát triển mạnh website và các trang fanpage, zalo chính thức của Nhà trường để quảng bá và lan tỏa thông tin tuyển sinh nhanh và chính xác.

Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyển sinh, đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh, xây dựng chính sách, giải pháp thúc đẩy liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị trong công tác tuyển sinh, đào tạo và tuyển dụng sau đào tạo.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, xây dựng cơ chế hợp tác với các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh tạo nên mạng lưới đào tạo nguồn nhân lực nội tỉnh mạnh về đội ngũ, đủ về cơ sở vật chất và đáp ứng theo đường lối, chiến lược phát triển của địa phương.

Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực lao động chất lượng cao và đa dạng của xã hội, đáp ứng nhu cầu việc làm trong thời đại công nghiệp 4.0.

- Tăng cường cải tiến, đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các phòng học chức năng, đảm bảo công tác tổ chức giảng dạy theo phương pháp mới, tích cực hóa người học, sẵn sàng chuyển đổi sang hình thức dạy học trực tuyến hoặc trực tiếp kết hợp với trực tuyến khi cần thiết.

- Phối hợp, xây dựng cơ chế dùng chung trang thiết bị trong hệ thống mạng lưới đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh.

- Tranh thủ nguồn nhân lực và cơ sở vật chất của các cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở thực hành, thực tập tham gia vào công tác giảng dạy, thực hiện chương trình đào tạo của Nhà trường.

Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, thích ứng cao; bảo đảm chất lượng trong đào tạo và hội nhập quốc tế.

- Thực hiện xây dựng, thẩm định, phê duyệt, thực hiện, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo; xây dựng các quy định về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo, công nhận và chuyển đổi tín chỉ cho người học, công nhận chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo khác; Tăng cường hơn nữa tính liên thông giữa các chương trình đào tạo; phát triển các chương trình liên ngành, liên trường;

- Cải tiến các chương trình đào tạo theo hướng tích hợp kiến thức, kỹ năng và đạo đức, đáp ứng chuẩn đầu ra; điều chỉnh các chương trình đào tạo theo hướng tăng cường các kiến thức hiện đại hơn, tăng thời lượng thực hành, thực tế cũng như tăng cường kết nối với doanh nghiệp, nhà tuyển dụng; phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền - doanh nghiệp - Nhà trường để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xã hội.

Chuẩn hóa các chương trình đào tạo nhằm hướng đến được đánh giá khách quan từ các tổ chức kiểm định uy tín, dày dặn kinh nghiệm, từ đó có các bước cải tiến nhằm nâng cao chất lượng; góp phần nâng cao uy tín của Nhà trường

trong lĩnh vực giáo dục, và gia tăng tính cạnh tranh của sinh viên khi gia nhập thị trường lao động.

- Phát triển các chương trình đào tạo đại học tiên tiến, quốc tế. Xây dựng và phát triển các chương trình trao đổi sinh viên và giảng viên với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, chú trọng đẩy mạnh trao đổi sinh viên ở cả hai hướng: gửi sinh viên theo học ở các trường đối tác và tiếp nhận sinh viên nước ngoài.

- Xây dựng lộ trình, củng cố đội ngũ mở mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ đối với các mã ngành Toán học, Hóa học và Quản trị kinh doanh.

2.2.5. Phát triển NCKH và chuyển giao KH-CN

Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Đổi mới cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN.

Đổi mới cơ chế, chính sách đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN.

Đổi mới cơ chế quản lý nhân lực hoạt động KH&CN.

Xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và trong nước về KH&CN.

Hoàn thiện quy định về sở hữu trí tuệ của Nhà trường. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

Thúc đẩy các hoạt động tạo ra tài sản trí tuệ trong Nhà trường. Khuyến khích, nâng cao hiệu quả khai thác tài sản trí tuệ. Phát triển các hoạt động hỗ trợ về sở hữu trí tuệ.

Tăng cường nguồn nhân lực cho hoạt động sở hữu trí tuệ. Hình thành văn hóa sở hữu trí tuệ trong đội ngũ cán bộ giảng viên. Tích cực, chủ động hợp tác và hội nhập quốc tế về sở hữu trí tuệ.

2.2.6. Phát triển hợp tác quốc tế

Xây dựng và thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế dài hạn, trung hạn và ngắn hạn của Trường. Hoàn thiện Quy định về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường nhằm khuyến khích, tạo điều kiện các đơn vị/cá nhân tham gia hoạt động HTQT.

Mở rộng quy mô đào tạo lưu học sinh nước ngoài. Đẩy mạnh liên kết đào tạo với nước ngoài đi đôi với việc giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng, tích cực quảng bá và tuyển sinh cho các chương trình liên kết đào tạo quốc tế.

Đẩy mạnh tìm kiếm các chương trình, dự án HTQT về đào tạo, KHCN và phục vụ xã hội. Phối hợp với các bộ, ban, ngành liên quan và các cơ quan khác nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động hợp tác quốc tế; tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế của trung ương và địa phương.

Tăng cường tìm kiếm nguồn học bổng phục vụ đào tạo cán bộ và người học.

Tăng cường trao đổi cán bộ và sinh viên với các cơ sở giáo dục đại học và KHCN trong khu vực và quốc tế.

Thường xuyên tổ chức và tạo điều kiện để cán bộ, người học tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học; tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, mạng lưới, diễn đàn khu vực và quốc tế.

Thực hiện liên kết thư viện, trao đổi thông tin khoa học và công bố quốc tế.

Tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ và người học; hợp tác xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo chuyên môn bằng tiếng Anh có sự tham gia của giảng viên nước ngoài.

Đẩy mạnh các hoạt động tiếp thị và quảng bá quốc tế.

2.2.7. Đảm bảo chất lượng giáo dục

Tiếp tục nâng cao nhận thức về công tác bảo đảm CLGD: Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHQB cần tăng tính chủ động trong việc xây dựng, điều chỉnh các kế hoạch hoạt động của đơn vị dựa trên các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hiện hành để từng bước nâng cao nhận thức và hình thành nền nếp văn hóa theo tiêu chuẩn chất lượng. Nâng cao ý thức thực hiện công tác tự đánh giá, tự cải tiến và tự công khai chất lượng trong từng đơn vị.

Thực hiện có hiệu quả Chiến lược, kế hoạch năm học cũng như các kế hoạch hằng tháng về công tác bảo đảm CLGD: Các đơn vị liên quan trong Nhà trường cần tiếp tục bám sát kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học và kế hoạch hằng tháng về công tác bảo đảm CLGD để triển khai có hiệu quả các hoạt động theo kế hoạch. Đồng thời, có những đánh giá, đề xuất kịp thời để điều chỉnh và nâng cao chất lượng các hoạt động bảo đảm chất lượng tại đơn vị thuộc và trực thuộc Trường ĐHQB.

Kiến tạo hệ thống và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý công tác bảo đảm chất lượng bên trong: Tổ chức lại Hội đồng bảo đảm CLGD các cấp năm 2022 để tăng cường vai trò tham mưu, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung hoạt động bảo đảm chất lượng của Hội đồng bảo đảm CLGD các cấp trong Nhà trường. Tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ chuyên trách bảo đảm CLGD và đội ngũ cán bộ quản lý các đơn vị, tổ chuyên môn thông qua nhiều hình thức, cấp độ khác nhau.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý điều hành về công tác bảo đảm CLGD bên trong Nhà trường: Các đơn vị trực thuộc căn cứ trên các bộ tiêu chuẩn ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của BGDĐT để tiếp tục tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành các văn bản quản lý Nhà trường nhằm không

ngừng nâng cao chất lượng từng hoạt động, đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế của Trường và đặc thù từng đơn vị.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tự công khai, công tác thống kê và phát triển cơ sở dữ liệu phục vụ hoạt động tự đánh giá tại các đơn vị: Ngoài việc công khai theo yêu cầu của quy chế ba công khai, các đơn vị cần chủ động trong việc xác định các chỉ tiêu, chỉ số công khai căn cứ trên yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị và các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng hiện hành. Các chỉ tiêu, chỉ số phân đầu, chỉ số đối sánh trong từng nội dung hoạt động công tác của đơn vị cần được xác lập và thống kê theo chu kỳ 5 năm. Thực hiện đối sánh các chỉ số theo định kỳ và công khai các chỉ số đối sánh đã được xác lập để xây dựng nên hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin phục vụ cho tự đánh giá và đánh giá ngoài.

Nhà trường nâng cao chất lượng việc tổ chức thẩm định kết quả TĐG các CTĐT và chất lượng công tác tự đánh giá CSGD để phục vụ đánh giá ngoài các chu kỳ theo quy định và hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ công tác bảo đảm chất lượng thông qua các cơ chế tài chính và cơ chế thi đua khen thưởng: Các đơn vị chức năng thuộc và trực thuộc Trường cần tiếp tục nghiên cứu nhằm góp ý, tham mưu để các hoạt động bảo đảm và cải tiến chất lượng tại từng đơn vị được cụ thể hóa định mức chi và đưa các hoạt động đó vào tiêu chí để đánh giá, xếp loại thi đua viên chức cuối năm.

2.2.8. Xây dựng cơ sở vật chất

** Về xây dựng cơ bản:*

Trong giai đoạn 2026-2035 hoàn chỉnh và phê duyệt xong “Quy hoạch chi tiết Trường Đại học Quảng Bình Cơ sở 2”.

Đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình và các ngành liên quan để quy hoạch xây dựng Trường Đại học Quảng Bình Cơ sở 2.

Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn và tăng cường tiết kiệm để có kinh phí đối ứng khi xây dựng cơ sở vật chất theo quy hoạch.

Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng (Cơ sở 2).

Trung tâm nghiên cứu thực nghiệm nông lâm và môi trường (Cơ sở 2).

Tiếp tục cải tạo nâng cấp các Giảng đường.

Hiện đại hóa giảng đường, TTHL; Phát triển hệ thống thư viện thành hệ thống thư viện hiện đại, tăng cường đầu tư các thiết bị số hiện đại, tăng cường nguồn vốn tài nguyên số cho trung tâm.

** Về trang thiết bị:*

Tiếp tục đầu tư CSVC, trang thiết bị để phục vụ dạy, học và NCKH.

Xây dựng các dự án chương trình mục tiêu từng năm nhằm tăng cường trang thiết bị trong các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành.

Tăng cường tiết kiệm, tích cực tìm nguồn huy động vốn để không ngừng bổ sung, đổi mới trang thiết bị phục vụ cho mọi hoạt động của Nhà trường.

2.2.9. Công tác tài chính

Cơ chế chính sách tài chính của Trường đảm bảo tính kích thích, tạo động lực cho viên chức và người lao động trên cơ sở đúng quy định của pháp luật.

Khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả nguồn kinh phí ngân sách cấp, nguồn thu ngoài ngân sách và nguồn kinh phí của các chương trình dự án đầu tư.

Tìm các biện pháp khả thi nhằm tăng nguồn thu kinh phí ngoài ngân sách cấp.

Tìm kiếm các nguồn thu mới từ các hoạt động dịch vụ, từ các dự án tài trợ, viện trợ, nguồn thu từ hợp tác quốc tế, chuyển giao khoa học và công nghệ...

Chính sách tài chính tập trung vào phục vụ cho công tác đào tạo, như đầu tư cho đổi mới chương trình đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy, mua sắm thiết bị vật tư phục vụ cho học tập, tăng chi cho các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn...; phát triển đội ngũ, tăng cường đầu tư phát triển cơ sở vật chất Nhà trường, chế độ ưu đãi đối với các cán bộ giảng viên.

2.2.10. Xây dựng và quảng bá thương hiệu

Thúc đẩy quan hệ, cộng tác với địa phương, các nước, các doanh nghiệp trong đào tạo, NCKH và cung cấp dịch vụ KHCN.

Coi trọng và khẳng định thương hiệu Trường thông qua công tác tuyển sinh và đào tạo sinh viên quốc tế.

Tích cực tham gia vào các cuộc triển lãm về đào tạo trong và ngoài nước để giới thiệu và quảng bá về hình ảnh, chất lượng sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

Tìm và nắm bắt cơ hội thực hiện các dự án trong nước và quốc tế hỗ trợ các hoạt động của Trường, mở rộng tham gia có hiệu quả các hoạt động cộng đồng.

Phát huy vai trò dẫn dắt của giảng viên trong học tập và NCKH của sinh viên; Tác động kích thích và lan tỏa những công trình nghiên cứu có tính ứng dụng cao và mang lại hiệu quả.

Tích cực tìm kiếm và sử dụng hiệu quả các nguồn quỹ tài trợ, học bổng trong nước và nước ngoài tạo thêm cơ hội cho giảng viên, sinh viên trong học tập, nghiên cứu và giảng dạy.

PHẦN IV

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Chiến lược phát triển tập trung thực hiện 09 chương trình trọng điểm sau:

1. Chương trình xây dựng cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý

Thực hiện các chủ trương, Nghị quyết của Bộ Chính trị, Quyết định của Chính phủ, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Bình để sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, có cơ cấu hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Giảm đầu mối, khắc phục tình trạng dàn trải, gắn với việc thực hiện cơ cấu lại đội ngũ viên chức và thực hiện tinh giản biên chế viên chức, lao động hợp đồng.

Giai đoạn 2021 - 2025:

Thực hiện sắp xếp, sáp nhập, thành lập một số phòng, trung tâm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ đảm bảo cơ cấu: 07 phòng, 01 viện, 07 khoa đào tạo, 03 trung tâm.

- Sáp nhập Phòng Kế hoạch - Tài chính và Phòng Quản lý đầu tư thành Phòng Kế hoạch, Tài chính và Quản lý đầu tư.

- Giải thể Phòng Thanh tra - Pháp chế, chuyển chức năng, nhiệm vụ cho Phòng Tổ chức - Hành chính và Phòng Đảm bảo chất lượng giáo dục tiếp nhận, đổi tên thành Phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Giải thể Phòng Thông tin - Truyền thông, chuyển chức năng, nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo và Phòng Công tác sinh viên, đổi tên Phòng Công tác sinh viên thành Phòng Chính trị và Quản lý sinh viên.

- Đổi tên Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế thành Phòng Khoa học công nghệ và Đối ngoại.

- Sắp xếp, tổ chức lại một số khoa, bộ môn phù hợp với cơ cấu ngành đào tạo, tình hình thực tiễn, chiến lược phát triển công tác đào tạo của Trường.

- Đến năm 2025: Xây dựng các mã ngành đào tạo Sau đại học.

Giai đoạn 2026 - 2035: Cơ cấu tổ chức, bộ máy về cơ bản là ổn định, nghiên cứu thành lập các đơn vị phù hợp với tình hình thực tiễn:

- Trường Trung học phổ thông trực thuộc Trường ĐHQB.

- Trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

2. Chương trình xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ viên chức, người lao động

Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao đáp ứng yêu cầu đào tạo của xã hội. Chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ bằng nhiều nguồn khác nhau: học trong nước, nước ngoài, liên kết đào tạo.

Giai đoạn: 2021 – 2025:

Tuyển mới: tập trung tuyển dụng, thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, bổ sung nhân lực cho những ngành đào tạo bậc thạc sĩ, đại học mới mở theo chiến lược phát triển của Trường (*Phụ lục số 03*).

Bồi dưỡng 05 lượt ứng viên GS, PGS; Cử đi đào tạo sau tiến sĩ ở nước ngoài 10 người; đào tạo tiến sĩ ở nước ngoài: 15 người; tiến sĩ trong nước: 15 người; đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài: 10 người; thạc sĩ trong nước: 20 người; đào tạo khác: 15 người (*Phụ lục số 03*).

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng: Phần đầu có 05 cán bộ, viên chức được phong hàm GS, PGS, 30 CBGV bảo vệ luận án tiến sĩ; 30 CBGV bảo vệ luận văn thạc sĩ (*Phụ lục số 03*); 150 người tốt nghiệp ngoại ngữ trình độ B1 (hoặc tương đương) trở lên.

Như vậy, trong giai đoạn này, Trường có tổng số viên chức, người lao động là 265 người, trong đó phần đầu đạt 198 giảng viên, tỷ lệ sinh viên, học viên trên một cán bộ giảng dạy đạt 28/1; phần đầu đạt 05 PGS (1,89%), 70 tiến sĩ (26,42%), 160 thạc sĩ (60,37%), cán bộ phục vụ giảng dạy 67 người (*Phụ lục số 03*).

Phần đầu đến năm 2035, tuyển dụng một số giáo viên các môn học còn thiếu giáo viên phục vụ cho công tác giảng dạy ở Trường trung học phổ thông; tuyển dụng, thu hút giảng viên có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, bổ sung nhân lực cho những ngành đào tạo bậc thạc sĩ, đại học mới mở theo chiến lược phát triển của Trường; tổng số cán bộ, viên chức của trường là 350 viên chức, người lao động, trong đó có 262 giảng viên, tỷ lệ giảng viên, viên chức được phong hàm GS, PGS đạt 5%, trình độ tiến sĩ là 35%.

3. Chương trình phát triển hoạt động đào tạo

- Giai đoạn: 2021 – 2025:

Cơ cấu lại ngành nghề đào tạo: Khảo sát, phân tích nhu cầu nhân lực lao động tỉnh Quảng Bình và các vùng lân cận.

Đến năm 2025: Hoàn thiện cơ cấu ngành nghề phù hợp với Quy hoạch tỉnh Quảng Bình và đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

Mở thêm các mã ngành đào tạo: Sư phạm Khoa học Tự nhiên, Sư phạm Khoa học xã hội; Sư phạm Khoa học Công nghệ; Sư phạm Tiếng Anh và Sư phạm Tin học.

Đẩy mạnh truyền thông tuyển sinh, nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh:

Ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác tuyển sinh, đặc biệt là truyền thông tuyển sinh: năm học 2022 - 2023 tuyển sinh đạt 600 - 800 chỉ tiêu/năm; giai đoạn 2023 - 2025 tuyển sinh đạt 1000 - 1200 chỉ tiêu/năm.

Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh:

Xây dựng chính sách, cơ chế phối hợp giữa Trường Đại học Quảng Bình và các doanh nghiệp, cơ quan trên địa bàn tỉnh trong công tác tuyển sinh (đào tạo đặt hàng), tổ chức đào tạo (giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thực tập), tuyển dụng sau đào tạo.

Xây dựng mối liên kết với các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh, hình thành mạng lưới đào tạo nhân lực nội tỉnh vững mạnh.

Xây dựng chính sách, cơ chế phối hợp, liên kết, hợp tác đào tạo chặt chẽ với các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh.

Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong thời đại 4.0:

Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học.

Đầu tư trang thiết bị hiện đại cho các phòng học chức năng.

Tranh thủ nguồn nhân lực và cơ sở vật chất của các doanh nghiệp, cơ ở thực hành, thực tập.

Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, thích ứng; bảo đảm chất lượng trong đào tạo và hội nhập quốc tế: Tăng cường hơn nữa tính liên thông giữa các chương trình; Phát triển các chương trình liên ngành, liên trường trong liên kết đào tạo; Phát triển chương trình đào tạo đại học tiên tiến.

Đến năm 2025: mở 01 mã ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; có khoảng 02 chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao.

Hoàn thiện hồ sơ và các điều kiện đảm bảo mở Trường mầm non và phổ thông trực thuộc Trường Đại học Quảng Bình.

- Đến năm 2035:

Mở khoảng 04 chương trình đào tạo tiên tiến, chất lượng cao và 03 chương trình liên kết đào tạo quốc tế; khoảng 03 ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

Xây dựng và phát triển Trường mầm non và phổ thông trực thuộc Trường Đại học Quảng Bình có chất lượng cao.

4. Chương trình phát triển NCKH và chuyển giao công nghệ

Xây dựng cơ chế chính sách khuyến khích NCKH, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu. Đảm bảo các viên chức, người lao động của Trường có đủ nguồn lực (tài chính, cơ sở vật chất và thời gian) để thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đa dạng hóa các nguồn lực cho nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học phải trở thành sự đam mê và ưu tiên hàng đầu đối với đội ngũ viên chức, người lao động.

Phát triển những nhóm nghiên cứu mạnh với hạt nhân là các chuyên gia nghiên cứu hàng đầu, có khả năng dẫn dắt các xu hướng nghiên cứu mới. Có sự kế thừa và tiếp nối chặt chẽ giữa các thế hệ viên chức, người lao động. Từng bước hình thành đội ngũ chuyên gia có đủ năng lực phản ứng trước những vấn đề quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh cũng như đi đầu trong các hướng nghiên cứu khoa học mới.

Tăng cường gắn kết nghiên cứu với đào tạo và thực tiễn. Có cơ chế khuyến khích đưa các kết quả nghiên cứu vào giảng dạy một cách nhanh chóng. Ưu tiên thực hiện các nghiên cứu theo đặt hàng của các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức. Tăng cường phát triển hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

Xây dựng các chương trình hợp tác và phát triển với các tỉnh, thành phố nhằm phối hợp giải quyết các vấn đề chung và phát huy lợi thế của mỗi bên.

Hợp tác nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Tỉnh, ưu tiên các lĩnh vực: Công nghệ thông tin; công nghệ sinh học; công nghệ sản xuất vật liệu, công nghệ chế biến nông sản - lâm - thủy sản và các lĩnh vực thuộc lợi thế và tiềm năng của Tỉnh.

Tập trung tăng cường số lượng và chất lượng đề tài nghiên cứu, mở rộng chuyển giao KHCN và đăng tải các công trình nghiên cứu. Đẩy mạnh NCKH và ứng dụng thực tiễn trong sinh viên.

Tập trung nghiên cứu tạo ra sản phẩm mang thương hiệu Nhà trường và khai thác nhiều nguồn vốn khác nhau cho hoạt động khoa học công nghệ.

5. Chương trình phát triển hợp tác quốc tế

Tăng cường ký kết và triển khai thực hiện hiệu quả các văn bản hợp tác với các trường đại học nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế và tranh thủ hỗ trợ tối đa của các tổ chức, cơ quan nước ngoài để phát triển đào tạo và NCKH của Trường.

Khuyến khích cán bộ giảng viên công bố các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học công nghệ đạt trình độ quốc tế, có khả năng ứng dụng và triển khai, có tính hiệu quả về mặt kinh tế xã hội, làm nền tảng cho đào tạo chất lượng cao.

Nâng cao chất lượng của các hội nghị khoa học, quan tâm đến chất lượng và hiệu quả của các hội thảo chuyên ngành hẹp (cấp quốc gia và quốc tế). Mỗi năm Trường tổ chức 1 - 2 hội thảo, hội nghị khoa học quốc gia/quốc tế và cử giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế để trao đổi thông tin khoa học công nghệ, kinh nghiệm đào tạo và quản lý. Thực hiện tốt việc công bố các kết quả NCKH trên Website của Trường, là nguồn tham khảo hữu ích phục vụ đào tạo và nghiên cứu.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của 9 nhóm nghiên cứu chuyên sâu, chú trọng đến hợp tác trong nghiên cứu với các đối tác nước ngoài.

Nâng cao chất lượng thông tin ở Website tiếng Việt và tiếng Anh và tích cực quảng bá, tuyên truyền về Nhà trường, về tình hình phát triển kinh tế - xã hội, về tiềm năng thế mạnh, truyền thống lịch sử, văn hóa và con người Quảng Bình với bạn bè quốc tế.

Tăng cường khai thác các nguồn vốn ngoài nước thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế như: hợp tác nghiên cứu, đào tạo; xây dựng các chương trình liên kết, hợp tác với các trung tâm đào tạo, các viện, tổ chức nghiên cứu lớn của trung ương theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh việc gửi cán bộ giảng viên, sinh viên ưu tú của Nhà trường đi đào tạo ở các cơ sở nước ngoài có trình độ KH&CN tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ cao và các lĩnh vực thuộc lợi thế ưu tiên của Tỉnh có cam kết thời gian phục vụ tối thiểu cho Tỉnh sau khi tốt nghiệp.

Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác KH&CN với bên ngoài nhằm tranh thủ thu hút các nguồn lực. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích cán bộ KH&CN tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế ở trong và ngoài nước, tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy ở nước ngoài hoặc các tổ chức quốc tế.

6. Chương trình phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

6.1. Phát triển hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục

a) Phát triển các nguồn lực cho cả đơn vị chuyên trách và các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chất lượng giáo dục trong toàn Trường thông qua:

Đào tạo nguồn nhân lực cho đội ngũ viên chức làm công tác bảo đảm chất lượng giáo dục để Nhà trường đủ năng lực thực hiện đánh giá cơ sở giáo dục (CSGD) và các chương trình đào tạo (CTĐT) theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và tiêu chuẩn AUN-QA (Asean University Network - Quality Assurance) của khu vực ASEAN:

Đến 2025 có 70% đội ngũ viên chức làm công tác bảo đảm chất lượng (10 người trong toàn Trường) được đào tạo và bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu bởi các chuyên gia cả ở trong nước và quốc tế (80% bồi dưỡng bởi chuyên gia trong

nước và 20% bồi dưỡng bởi chuyên gia quốc tế). Trong đó, có 01 kiểm định viên; 01 người được đào tạo về đo lường và kiểm định trong giáo dục; 01 người được đào tạo, tập huấn đánh giá CTĐT và CSGD theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng AUN-QA.

Đến năm 2035 có 100% đội ngũ viên chức làm công tác bảo đảm chất lượng (14 người trong toàn Trường) được đào tạo và bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu bởi các chuyên gia cả ở trong nước và quốc tế (65% bồi dưỡng bởi chuyên gia trong nước và 35% bồi dưỡng bởi chuyên gia quốc tế). Trong đó, đảm bảo Trường có ít nhất 02 kiểm định viên; ít nhất 02 người được đào tạo, tập huấn đánh giá CTĐT và CSGD theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng AUN-QA.

Phát triển các công cụ ứng dụng trong công tác quản lý, thu thập, xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin, dữ liệu về các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong Nhà trường. Đến năm 2025, cơ bản phát triển đầy đủ các công cụ phục vụ các hoạt động thu thập, xử lý, lưu trữ và truy xuất thông tin về các hoạt động bảo đảm chất lượng bên trong Nhà trường. Đến năm 2030, có các hệ thống phần mềm và ứng dụng đồng bộ trong công tác quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo bên trong.

Phát triển và hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục bên trong Nhà trường trên tất cả các mặt hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm từng bước chuẩn hóa, thực thi hiệu quả mục tiêu chiến lược và văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường. Đến năm 2025, hệ thống văn bản bảo đảm chất lượng bên trong cơ bản được hoàn thành. Đến năm 2035, hệ thống văn bản bảo đảm chất lượng bên trong góp phần thực thi hiệu quả mục tiêu chiến lược và văn hóa chất lượng bên trong Nhà trường.

b) Tổ chức các Hội đồng thực hiện nhiệm vụ bảo đảm chất lượng theo định kỳ, bao gồm các Hội đồng sau:

- Hội đồng Đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục
- Hội đồng Đảm bảo chất lượng tại các khoa, viện thuộc Trường
- Các Hội đồng tự đánh giá.

6.2. Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục

Giai đoạn 2021-2025, triển khai kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường ĐHQB chu kỳ thứ hai (năm 2023 - 2028) và cải tiến chất lượng theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trong nước; triển khai kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục Trường ĐHQB chu kỳ thứ ba (năm 2028), chu kỳ thứ tư (năm 2033) theo bộ tiêu chuẩn trong nước. Đồng thời, thực hiện tự đánh giá và cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA.

6.3. Kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo

Giai đoạn 2021-2025, triển khai kiểm định chất lượng của 35% tổng số các CTĐT (08 CTĐT, trong đó có 04 CTĐT sư phạm) của Trường Đại học Quảng Bình chu kỳ thứ nhất và cải tiến chất lượng các CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong nước. Đồng thời, thực hiện tự đánh giá, cải tiến chất lượng 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA.

Giai đoạn 2026-2035, triển khai kiểm định chất lượng của 80% tổng số các CTĐT (18 CTĐT, trong đó có 06 CTĐT sư phạm) của Trường Đại học Quảng Bình chu kỳ thứ nhất và thứ hai theo bộ tiêu chuẩn trong nước. Thực hiện tự đánh giá và cải tiến chất lượng toàn bộ các CTĐT theo cả bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trong nước và tiêu chuẩn AUN-QA. Kiểm định chất lượng ít nhất 02 CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN-QA.

7. Chương trình xây dựng cơ sở vật chất

- Phòng Quản trị:

Phối hợp với Phòng Kế hoạch, Tài chính và Phòng Quản lý đầu tư, các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược phát triển CSVC đến năm 2035, xây dựng kế hoạch 5 năm và hằng năm phù hợp với chiến lược phát triển CSVC và kế hoạch phát triển của Nhà trường, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và định kỳ báo cáo.

- Phòng Kế hoạch, Tài chính và Phòng Quản lý đầu tư:

Tiếp tục trình UBND tỉnh và các sở ban ngành để xin vốn đầu tư sửa chữa và nâng cấp CSVC.

Tích cực đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình và các ngành liên quan để quy hoạch xây dựng Trường ĐHQB - cơ sở 2 được thực hiện.

Huy động các nguồn lực từ xã hội, ngân sách nhằm thực hiện hiệu quả các công trình đầu tư.

Đảm bảo công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ, trong đó chú trọng đến thực hiện kế hoạch chiến lược được phê duyệt.

Chủ trì, phối hợp với Phòng Quản trị xác định ngân sách hằng năm chi cho CSVC để đảm bảo cho việc thực hiện chiến lược.

- Các khoa, viện, phòng, trung tâm thuộc Trường:

Đề xuất trang cấp thiết bị CSVC phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập cũng như NCKH.

Xây dựng dự toán sửa chữa, mua sắm CSVC đầu năm của đơn vị.

8. Chương trình phát triển nguồn tài chính

Chủ động trong việc lập dự toán thu chi tài chính hàng năm, giai đoạn theo quy định và xuất phát từ yêu cầu thực tiễn.

Chấp hành chế độ chi tiêu tài chính theo đúng Luật Ngân sách, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, các văn bản và chế độ, chính sách hiện hành.

Xây dựng, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm và xây dựng các quy định về quản lý tài chính, tài sản để thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật.

Có biện pháp thực hiện tăng nguồn thu của Trường qua các năm, chú trọng tăng thu từ nguồn thu sự nghiệp như: học phí, lệ phí, dịch vụ KHCN và các khoản thu khác.

Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý tài chính, tài sản. Thực hiện công tác công khai tài chính hàng năm.

Tìm kiếm và xây dựng các dự án về tăng cường năng lực, đầu tư trang thiết bị, xây dựng cơ bản... trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để được đầu tư.

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính của Trường đúng pháp luật, thực hiện có hiệu quả cao, công bằng, công khai minh bạch nhằm đáp ứng được các yêu cầu của hoạt động Nhà trường giai đoạn 2021-2025 và thời gian tiếp theo.

9. Chương trình quảng bá và phát triển thương hiệu

Đẩy mạnh việc vận dụng hiệu quả công nghệ 4.0 trong công tác quảng bá. Phát triển mạnh Website và các trang fanpage, zalo chính thức của Nhà trường để quảng bá và lan tỏa thông tin, hình ảnh và chất lượng về sản phẩm, dịch vụ của Trường một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Duy trì và nâng cao hiệu quả về công tác quảng bá Nhà trường thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, cơ quan báo chí, truyền hình trong khu vực và cả nước.

Chú trọng chất lượng các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học như: việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, bài báo có chỉ số, hội thảo quốc tế và quốc gia,... Xem đây là vấn đề cốt lõi của công tác quảng bá và phát triển thương hiệu của Trường trong thời gian tới.

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC

1. Tổ chức thực hiện

Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của viên chức và người lao động về vai trò và vị trí quan trọng của Chiến lược phát triển đối với sự phát triển của Trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2035.

Ban Giám hiệu Nhà Trường chỉ đạo các cá nhân, đơn vị có liên quan cụ thể hóa thành các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn để từng bước triển khai thực hiện.

Định kỳ Ban chỉ đạo xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời các chỉ tiêu, biện pháp...cho phù hợp với thực tiễn.

2. Tổ chức giám sát và đánh giá thực hiện Chiến lược phát triển

Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chiến lược phát triển và kịp thời điều chỉnh xây dựng kế hoạch hành động năm tiếp theo để phù hợp với chiến lược phát triển chung của Trường và phù hợp với thực tiễn của ngành giáo dục Việt Nam.

Giao cho Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược phát triển theo từng lộ trình đã xây dựng./.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đức Vượng

Phụ lục 01

Qui mô và cơ cấu nguồn nhân lực giai đoạn 2016 – 2020

(Kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Trường Đại học Quảng Bình)

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện giai đoạn 2016 - 2020				
		2016	2017	2018	2019	2020
Tổng số lao động	Người	323	317	314	304	287
<i>Phân theo trình độ</i>						
Tiến sĩ	Người	34	36	37	39	43
Thạc sĩ	Người	160	159	157	163	158
Đại học	Người	94	90	90	72	56
Dưới ĐH, trình độ khác	Người	35	32	30	30	30
<i>Phân theo giới tính</i>						
Nam	Người	120	114	115	108	99
Nữ	Người	203	203	199	196	188
<i>Phân theo tính chất</i>						
Giảng viên	Người	196	198	190	183	174
Viên chức HC, NV hành chính, phục vụ	Người	127	119	124	121	113
<i>Phân theo vị trí việc làm</i>						
Cán bộ, viên chức quản lý	Người	45	46	45	47	43
Giảng viên, chuyên viên, NV hành chính, phục vụ	Người	278	271	269	257	244

Phụ lục 2**Danh mục các ngành nghề đào tạo trình độ đại học
và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ năm 2020***(Kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Trường Đại học Quảng Bình)*

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành
I	Trình độ đại học	
1	Giáo dục Mầm non	7140201
2	Giáo dục Tiểu học	7140202
3	Giáo dục Chính trị	7140205
4	Sư phạm Toán học	7140209
5	Sư phạm Hóa học	7140212
6	Sư phạm Sinh học	7140213
7	Sư phạm Ngữ văn	7140217
8	Giáo dục Thể chất	7140206
9	Ngôn ngữ Anh	7220201
10	Địa lý học	7310501
11	Kế toán	7340301
12	Quản trị kinh doanh	7340101
13	Kỹ thuật phần mềm	7480103
14	Công nghệ thông tin	7480201
15	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103
17	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
18	Nông nghiệp	7620101
II	Trình độ cao đẳng	
1	Giáo dục Mầm non	5140201

Phụ lục 03

Chỉ tiêu về viên chức, LĐHĐ và công tác cán bộ

(Kèm theo Quyết định số 1294/QĐ-ĐHQB ngày 30 tháng 7 năm 2021 của Trường Đại học Quảng Bình)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025					
			2021	2022	2023	2024	2025	KH 2021-2025
1	2	3	4	5	6	7	8	9=4+...+8
I	Tổng số lao động	Người	275	262	265	265	265	
1	Viên chức, LĐHĐ bình quân trong năm	Người	275	262	265	265	265	
1.1	Viên chức hưởng lương ngân sách	Người	105	102	99	96	94	
1.2	Viên chức hưởng lương từ nguồn tự trang trải ĐV	Người	138	140	154	159	161	
1.3	LĐHĐ trên 1 năm	Người	28	18	10	10	10	
1.4	LĐHĐ dưới 1 năm	Người	4	2	2			
2	Phân theo công việc							
2.1	Viên chức làm công tác hành chính	Người	74	73	70	63	57	
2.2	Viên chức làm giảng viên	Người	169	169	183	192	198	
2.3	LĐHĐ làm công tác hành chính, phục vụ	Người	32	20	12	10	10	
3	Phân theo trình độ							
3.1	Phó Giáo sư	Người	3	3	3	4	5	
3.2	Tiến sĩ	Người	50	52	56	61	70	
3.3	Thạc sĩ	Người	145	145	150	155	160	
3.4	Cử nhân	Người	55	42	41	30	20	
3.5	Trình độ khác	Người	22	20	15	15	15	
II	Đào tạo viên chức							
1	Sau TS ở nước ngoài	Người	1	1	2	3	3	10
2	TS ở nước ngoài	Người	2	2	3	4	4	15
3	TS ở trong nước	Người	2	2	4	4	3	15
4	Thạc sĩ ở nước ngoài	Người	1	2	2	2	3	10
5	Thạc sĩ ở trong nước	Người	3	3	4	5	5	20
6	Đào tạo khác	Người	3	3	3	3	3	15
III	Chính sách cán bộ							0
1	Viên chức thuộc diện thu hút nhân tài (Tiến sĩ)	Người			2	2	2	6